BÀI 1: SỨC HẤP DẪN CỦA TRUYỆN KỂ

I. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện nói chung và thần thoại nói riêng như: cốt truyện, không gian, thời gian, nhân vật, lời người kể chuyện ngôi thứ ba và lời nhân vật.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.
- Viết được một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của một tác phẩm truyện.
- Biết thuyết trình (giới thiệu, đánh giá) về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện.

2. Về năng lực

- Năng lực tự học: vận dụng được những hiểu biết về nội dung và hình thức của tác phẩm truyện để đọc có hiệu quả.
- Năng lực giao tiếp, hợp tác khi trao đổi, thảo luận về văn bản.
- Năng lực giải quyết vấn đề: thu thập thông tin và trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản; liên hệ vận dụng những vấn đề đặt ra trong tác phẩm với thực tế cuộc sống.

3. Về phẩm chất

- Yêu nước: có thái độ trân trọng những tác phẩm văn học dân tộc, quý trọng hiền tài.
- Nhân ái: biết đồng cảm với người khác.
- Trách nhiệm: Sống có khát vọng, có hoài bão và thể hiện được trách nhiệm với cộng đồng.

TIẾT 123: VĂN BẢN 1, 2, 3
TRUYỆN VỀ CÁC VỊ THẦN SÁNG TẠO THẾ GIỚI
THẦN THOẠI VIỆT NAM

I. Mục tiêu:

1. Về kiến thức

- Nhận biết được đặc điểm cơ bản của truyện thần thoại nói chung và của từng nhóm truyện: thần thoại suy nguyên, thần thoại sáng tạo.
- Nhận biết và phân tích được các yếu tố cơ bản của chùm truyện về các vị thần sáng tạo thế giới: cốt truyện, thời gian, không gian, nhân vật.
- Hiểu được cách nhận thức, lí giải thế giới tự nhiên của người xưa; thấy được vẻ đẹp "một đi không trở lại" làm nên sức hấp dẫn riêng của thể loại thần thoại.

2. Về năng lực

- Năng lực tự chủ và tự học: HS tự tìm kiếm tri thức liên quan đến văn bản theo bộ câu hỏi định hướng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS làm việc nhóm thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực ngôn ngữ: HS đọc được trôi chảy văn bản, phân biệt được kiểu loại văn bản theo đặc trưng thể loại; viết được một đoạn văn trình bày suy nghĩ, đánh giá một khía cạnh về nội dung, nghệ thuật của văn bản.
- Năng lực văn học: HS biết đọc hiểu ngôn từ nghệ thuật, tiếp nhận hợp lí sáng tạo về chủ đề, tư tưởng, giá trị thẩm mĩ từ văn bản.

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: Trân trọng những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc.
- Trách nhiệm: Có khát vọng khám phá thế giới tự nhiên, biết cách ứng xử với thiên nhiên.

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

- Máy tính, tivi.
- Phiếu học tập, tranh, ảnh/video, …

III. Tiến trình dạy học

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: HS có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới của bài học.

b. Nội dung:

- GV phát vấn

- HS trả lời

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

+ Cho HS xem đoạn video về Táo quân (thần bếp) và trả lời câu hỏi.

Theo em điều gì đã làm nên sức hấp dẫn của câu chuyện này?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS quan sát, tư duy nhanh

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

HS trả lời câu hỏi (2- 3 học sinh)

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS và dẫn vào bài học.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu:

- Tóm tắt được những thông tin quan trọng nhất trong phần *Tri thức ngữ văn.*
- HS nhận biết được ý nghĩa của tên bài, nêu được các tiêu chí để xác định sức hấp dẫn của truyện kể.
- HS tóm tắt được cốt truyện của từng văn bản trong bài học.
- Học sinh xác định được thời gian, không gian, nhân vật và sự kiện chính của từng truyện kể
- Học sinh sẽ diễn giải và bình luận được quan điểm "*vạn vật có linh hồn*" và đánh giá được sức hấp dẫn của niềm tin ấy với con người hiện đại
- Học sinh vận dụng năng lực viết để thực hành viết kết nối đọc sau bài học

b. Nội dung:

- HS đọc SGK, làm việc nhóm để hoàn thành các câu hỏi, từ đó hiểu được nội dung khái quát của bài học.
- HS đọc VB, vận dụng "*Tri thức ngữ văn*", làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Học sinh thuyết trình
- GV nhận xét và đánh giá sản phẩm.

c. Sản phẩm: phiếu học tập, câu trả lời, sơ đồ tư duy.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế cho HS trước khi nghiên cứu bài học

- Học sinh được định hướng, huy động những kiến thức, tri thức đã có, khơi dậy sự hứng khởi với bài học.

b. Nội dung: Giải ô chữ/ Xem video và trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

C1. **Cho hs nhìn hình ảnh, đoán tên và quyền năng của các vị thần**

C2. Cho HS xem đoạn video về Táo quân (thần bếp) và trả lời câu hỏi.

Theo em điều gì đã làm nên sức hấp dẫn của câu chuyện này?

C3: TRÒ CHƠI Ô CHỮ

STT	Câu hỏi hàng ngang	Đáp án
1	Thể loại truyện dân gian ra đời sớm, kể về thần linh, vũ trụ	**THẦN THOẠI**
2	Yếu tố xây dựng nên mạch sự kiện chính trong truyện tự sự	**CỐT TRUYỆN**
3	Người thực hiện việc kể lại câu chuyện	**NGƯỜI KỂ**
4	Dạng văn bản tự sự gồm sự kiện, nhân vật, lời kể nghệ thuật	**TRUYỆN KỂ**
5	Nhân vật có thể là thần linh, loài vật mang yếu tố con người	**HƯ CẤU**
6	Lời kể, lời tả, lời bình là thành phần của yếu tố nào?	**NGHỆ THUẬT**
7	Đối tượng trung tâm được khám phá trong truyện kể	**CON NGƯỜI**

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

HS trả lời câu hỏi

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV cùng HS chuẩn kiến thức

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu

- Học sinh nắm được những kiến thức trọng tâm trong phần *Tri thức ngữ văn* về đặc điểm và sức hấp dẫn của truyện kể.

- Nhận diện và lí giải được ý nghĩa tên bài học; chỉ ra được các yếu tố tạo nên sức hấp dẫn của truyện kể như: tình huống truyện, nhân vật, không gian, thời gian, yếu tố li kì, huyền ảo,…

- Tóm tắt được cốt truyện và xác định được các yếu tố chính trong từng văn bản: thời gian, không gian, nhân vật, sự kiện.

- Nhận biết và diễn giải được tư tưởng "vạn vật có linh hồn" được thể hiện trong các truyện kể; đánh giá được sức hấp dẫn của tư tưởng này đối với con người hiện đại.

- Học sinh biết vận dụng kĩ năng viết để thực hành viết đoạn văn kết nối với hoạt động đọc sau khi học bài.

b. Nội dung

- Học sinh đọc SGK, trao đổi nhóm để tìm hiểu nội dung và ý nghĩa chung của bài học, xác định mục tiêu đọc hiểu.

- Học sinh đọc văn bản, vận dụng *Tri thức ngữ văn*, thực hiện các nhiệm vụ cá nhân và nhóm như: xác định tình huống truyện, hệ thống nhân vật, điểm nhìn kể chuyện, các yếu tố kì ảo và đặc trưng văn hoá trong truyện.

- Học sinh thực hiện thuyết trình, chia sẻ nhận định về giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện kể.

- Giáo viên tổ chức hoạt động đánh giá, phản hồi sản phẩm học tập của học sinh, kết nối với hoạt động viết sau đọc.

I. TRI THỨC NGỮ VĂN

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

HS hoàn thành phiếu học tập ở nhà và báo cáo trước lớp theo yêu cầu của giáo viên

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Đọc phần *Tri thức ngữ văn* trang 9, 10, cùng với những hiểu biết của bản thân, hoàn thiện phiếu học tập sau đây

Bước 3. Báo cáo, thảo luận (Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu)

Câu hỏi	Cách hiểu của bản thân	Điều bản thân chưa rõ	Bổ sung kiến thức
câu chuyện, tình huống truyện			
Người kể chuyện có vai trò như thế nào trong truyện kể?			
Nhân vật thường được nhà văn khắc hoạ bằng những loại chi tiết nào? *Hãy minh họa bằng một vài nhân vật mà em yêu thích.*			
Đặc điểm cơ bản của thần thoại là gì? *Chỉ ra những đặc điểm đó trong một câu chuyện thần thoại.*			

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV nhận xét, cùng học sinh bổ sung, chuẩn hóa kiến thức

Câu chuyện

- Là thành phần không thể thiếu của tự sự và kịch.
- Là chuỗi sự kiện của cốt truyện đã được tổ chức lại một cách đầy ý thức, hướng tới thể hiện một thông điệp chủ quan nào đó của nhà văn.

Nhân vật thường được khắc hoạ qua các chi tiết miêu tả ngoại hình, lời nói, hành động, diễn biến nội tâm; quá trình sống và các mối liên hệ với thế giới xung quanh...

Tình huống truyện là sự kiện, là hoàn cảnh, tình thế của câu chuyện. Tình huống này chứa đựng những mâu thuẫn, bất thường, thậm chí là nghịch lý trong cuộc sống của nhân vật.

- **Đặc điểm:**

+ Thần thoại không chỉ giải thích thói quen, tập tục mà còn định hướng hành vi cho cộng đồng.

+ Nguyên tắc sáng tạo nghệ thuật của thần thoại là dùng tưởng tượng để nhận thức và tái hiện thế

giới.

+ Thần thoại thường có cốt truyện đơn giản: có thể là cốt truyện đơn tuyến, tập trung vào một nhân vật; hoặc tập hợp nhiều cốt truyện đơn thành một "hệ thần thoại".

+ Câu chuyện trong thần thoại gắn liền với thời gian phiếm chỉ, mang tính ước lệ và không gian vũ trụ với nhiều cõi khác nhau.

- Đặc điểm:

+ Nhân vật chính của thần thoại là các vị thần, hoặc những con người có nguồn gốc thần linh, có năng lực siêu nhiên nên thường được miêu tả với hình dạng khổng lồ, hoặc với sức mạnh phi thường và bằng thủ pháp cường điệu, phóng đại.

+ Nhân vật thần không chỉ là sức mạnh tự nhiên được hình tượng hoá mà còn có chức năng giải thích n đồng.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Truyện	Nhóm truyện	Dấu hiệu
Thần Trụ Trời		
Thần Sét		
Thần Gió		

+ Bởi tư duy hồn nhiên, chất phác, trí tưởng tượng bay bổng, lãng mạn và niềm tin thần thoại đã làm nên sức cuốn hút và sức sống lâu bền cho thần thoại.

II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN

Tổ chức thực hiện	**Dự kiến sản phẩm**
Hướng dẫn HS nhận diện nhóm thần thoại **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** HS trình bày PHT số 2 **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ** Học sinh làm việc cá nhân **Bước 3: Báo cáo và thảo luận** HS trình bày, nhận xét, bổ sung **Bước 4. Đánh giá và kết luận** Giáo viên cùng HS chuẩn hóa những kiến thức cơ bản	**I. Nhận diện nhóm thần thoại** **Truyện** / **Nhóm truyện** / **Dấu hiệu** ***Thần Trụ Trời*** / **Thần thoại suy nguyên** / Truyện kể về sự ra đời của vũ trụ (trời và đất), cách thần Trụ Trời tách trời và đất để tạo lập thế giới → giải thích nguồn gốc vũ trụ. ***Thần Sét*** / **Thần thoại sáng tạo** / Truyện kể về vị thần dùng búa sét để tiêu diệt yêu quái phá hoại mùa màng → thể hiện cuộc chinh phục thiên nhiên để bảo vệ đời sống con người. ***Thần Gió*** / **Thần thoại sáng tạo** / Truyện kể về vị thần điều khiển gió, giúp mang mưa đến ruộng đồng, thuận theo mùa màng → phản ánh hành trình con người điều hòa thiên nhiên phục vụ nông nghiệp.
Hướng dẫn HS tìm hiểu **Thời gian, không gian, nhân vật và sự kiện chính của**	**II. Khám phá văn bản**

truyện kể **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Thảo luận nhóm theo bàn; Thời gian 5p **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS thảo luận nhóm theo bàn, hoàn thành phiếu học tập số 3 **B3. Báo cáo, thảo luận:** - HS báo cáo, nhận xét **B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:** GV nhận xét, cùng học sinh bổ sung, chuẩn hóa kiến thức	**1. Thời gian, không gian, nhân vật và sự kiện chính của truyện kể**

Truyện kể	**Thời gian**	**Không gian**	**Nhân vật**	**Sự kiện chính**
Thần Trụ Trời	chưa có vũ trụ, chưa có muôn vật và loài người	Trời và đất hỗn độn tối tăm và lạnh lẽo	Thần Trụ Trời	+ đội trời -> đào đất, đá đắp thành cột cao để chống trời + Trời cao và khô cứng, thần phá cột, ném vung đá và đất khắp nơi ->Núi và cao nguyên + Chỗ thần đào lên lấy đất đá thành biển
Thần Sét	Không có thời gian cụ thể mang tính ước lệ	Trên thiên đình và dưới hạ giới	Thần Sét, Ngọc Hoàng, ông Cường Bạo	+ thần Sét là người chuyên phản ánh sự thịnh nộ của Ngọc Hoàng + thần Sét bị Trời phạt, gà thần của Ngọc Hoàng được sai xuống mổ thần Sét nhưng không làm gì được. + Về sau, thần Sét cứ nghe tiếng gà là giật mình + Thần Sét đã từng thua Cường Bạo Đại Vương
Thần Gió	Không có thời gian cụ thể mang tính ước lệ	Trên trời	Thần Gió, thần Mưa, con người	+ Giới thiệu về thần Gió + Câu chuyện đùa nghịch của con thần Gió + Ngọc Hoàng xử tội: Đày con thần Gió xuống bắt đi chăn trâu, bắt hóa làm cây ngải để báo tin gió cho thiên hạ, khi trâu bị cảm gió thì lấy lá cây ngải chữa

				cho trâu

Hướng dẫn HS tìm hiểu: **Đặc điểm và cơ sở hình thành thần Trụ Trời, thần Sét và thần Gió**

CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Thảo luận cặp đôi theo bàn; Thời gian 3p

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3.

Trong cái nhìn của con người thời cổ đại, thần Trụ Trời, thần Gió và thần Sét có hình dạng và tính khí ra sao? Sự tưởng tượng về các vị thần ấy được hình thành trên cơ sở nào?

Vị thần	Hình dạng – Tính khí nổi bật	Vai trò trong vũ trụ / thế giới tự nhiên	Cơ sở hình thành tưởng tượng
Thần Trụ Trời			
Thần Sét			
Thần Gió			

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc cặp đôi, hoàn thành phiếu học tập số 3

B3. Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo, nhận xét

B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV nhận xét, cùng học sinh bổ sung, chuẩn hóa kiến thức

2. Đặc điểm và cơ sở hình thành thần Trụ Trời, thần Sét và thần Gió

Vị thần	Hình dạng – Tính khí nổi bật	Vai trò trong vũ trụ / thế giới tự nhiên	Cơ sở hình thành tưởng tượng
Thần Trụ Trời	Khổng lồ: "chân bước từ vùng này qua vùng khác", miệt mài lao động, ít lời	Dựng cột chống trời, tách trời – đất, tạo núi non, biển cả, sông ngòi	Từ khát vọng khai phá vũ trụ, lí giải sự phân tách trời – đất, hình thành địa hình
Thần Sét	Mặt nanh ác, tiếng quát dữ dội, cầm búa đá, hành động dứt khoát, nóng nảy	Thi hành luật pháp, trừng trị kẻ có tội, giải thích hiện tượng sấm sét	Quan niệm "thiện ác phân minh", hiện tượng sét là sự trừng phạt của trời
Thần Gió	Kì quặc, không có đầu, xuất hiện bất chợt, đôi lúc dữ dội, đôi lúc dịu nhẹ	Gây gió, bão tùy theo lệnh Ngọc Hoàng, giải thích hiện tượng gió xoáy bất thường	Từ trải nghiệm thực tế với gió – thứ vô hình nhưng mạnh mẽ và khó kiểm soát

Hướng dẫn HS tìm hiểu: **Quan niệm, nhận thức, khát vọng và tình cảm của người nguyên thủy về thế giới tự nhiên**

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

3. Quan niệm, nhận thức, khát vọng và tình cảm của người nguyên thủy về thế giới tự nhiên

*** Công việc, mục đích**

- **Thần Trụ Trời: dùng đất, đá** đắp thành một cái cột

+ HS trả lời cá nhân: *Công việc của thần Trụ Trời, thần Sét và thần Gió là gì? Công việc đó được miêu tả như thế nào, nhằm mục đích gì?* + HS thảo luận nhóm lớn: *Hình tượng thần Trụ Trời, thần Sét và thần Gió phản ánh những quan niệm, nhận thức gì của người xưa về thế giới tự nhiên? Những khát vọng nào đã được họ gửi vào các hình tượng đó?* **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm lớn **B3. Báo cáo, thảo luận:** - HS báo cáo, nhận xét **B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, cùng học sinh bổ sung, chuẩn hóa kiến thức	vừa cao vừa to để chống trời, tách trời và đất ra làm hai ->Lý giải sự hình thành trời đất, di tích Cột chống trời. **- Thần Sét:** Chuyên thi hành pháp luật ở trần gian -> Lý giải hiện tượng tự nhiên và gửi gắm các quan niệm dân gian của nhân dân **- Thần Gió:** Làm gió to, gió nhỏ hay bão lớn, lâu hay mau tùy lệnh của Ngọc Hoàng -> Lí giải hiện tượng gió ở dưới trần gian *** Quan niệm, nhận thức, khát vọng và tình cảm của người nguyên thủy về thế giới tự nhiên** - Con người nhận thức thế giới tự nhiên vô cùng bí ẩn, có những năng lực kì lạ không thể giải thích. Vì vậy, họ tạo ra hình tượng các vị thần để lí giải tất cả những hiện tượng tự nhiên xảy ra xung quanh. - Họ gửi gắm vào các hình tượng thần linh khát vọng khám phá, giải thích và chinh phục tự nhiên. - Những hình tượng này còn thể hiện niềm tin, nỗi sợ hãi và tình cảm kính sợ đối với tự nhiên – như một thế lực linh thiêng bao trùm
***Hướng dẫn HS tìm hiểu:* Những đặc điểm nổi bật trong cách xây dựng nhân vật của chùm truyện.** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** HS trả lời cá nhân: *? Chỉ ra những đặc điểm nổi bật trong cách xây dựng nhân vật của chùm truyện.* *? Từ đó, nhận xét về thái độ, tình cảm của người xưa đối với thế giới tự nhiên.* **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS làm việc cá nhân **B3. Báo cáo, thảo luận:** - HS báo cáo, nhận xét **B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, cùng học sinh bổ sung, chuẩn hóa kiến thức	**4. Những đặc điểm nổi bật trong cách xây dựng nhân vật của chùm truyện.** **Đặc điểm nhân vật:** ● Hình dáng kì vĩ, khác thường. ● Hành động gắn với công việc lớn lao (dựng trời, tạo gió, xét xử…). ● Có sức mạnh phi thường, tính cách nổi bật (nóng nảy, cương trực…). ● Được xây dựng bằng biện pháp cường điệu, nhân cách hóa, gắn với yếu tố huyền ảo. **Thái độ của người xưa với tự nhiên:** ● Tự nhiên vừa gần gũi vừa đáng sợ. ● Người xưa vừa tôn kính, vừa muốn lí giải và làm chủ thế giới tự nhiên. ● Thể hiện khát vọng chế ngự, cải tạo tự nhiên, mong muốn cuộc sống tốt đẹp hơn
***Hướng dẫn HS tìm hiểu:* Sức hấp dẫn của thần thoại**	**5. Sức hấp dẫn của thần thoại** - Sức hấp dẫn của thần thoại nằm ở "Tư duy thần

B1. Chuyển giao nhiệm vụ: HS trả lời cá nhân: *Trong những điều làm nên vẻ đẹp "một đi không trở lại" của thần thoại, có niềm tin thiêng liêng về một thế giới mà ở đó vạn vật đều có linh hồn. Theo bạn, niềm tin ấy có còn sức hấp dẫn với con người hiện đại không? Vì sao?* Có thể gợi ý HS trả lời qua các câu hỏi nhỏ như sau: *+ Con người hiện đại có còn <u>khao khát khám phá</u> thế giới tự nhiên hay không? Vì sao?* *+ Niềm tin vạn vật đều có sự sống, có linh hồn và mối liên hệ bền chặt, thiêng liêng <u>có còn tồn tại trong đời sống, trong văn chương, nghệ thuật thời hiện đại</u>?* **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS làm việc cá nhân **B3. Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo, nhận xét **B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, cùng học sinh bổ sung, chuẩn hóa kiến thức	thoại": + Niềm tin tự nhiên, hồn nhiên mà chân thành, mãnh liệt về một thế giới mà vạn vật đều có linh hồn; có mối liên hệ qua lại, bền chặt, thiêng liêng. + con người có thể giao tiếp với cỏ cây, muông thú; có thể dễ dàng gặp, kết bạn hoặc tranh đấu với các vị thần... - Sức hấp dẫn của thần thoại nằm ở nghệ thuật: + Nhận thức, tái hiện thế giới bằng lối tưởng tượng hồn nhiên, bay bổng, lãng mạn + cách kể chuyện đơn giản nhưng tự nhiên; tính nguyên hợp (chứa đựng các yếu tố nghệ thuật, tôn giáo, triết học, lịch sử...).

Hoạt động 3. Luyện tập

a.Mục tiêu: HS rèn các kĩ năng đọc, viết qua hoạt động kết nối đọc – viết.

b. Nội dung: Học sinh viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích một chi tiết kì ảo trong một truyện thần thoại đã học hoặc tự đọc thêm.

c. Sản phẩm: Đoạn văn hoàn chỉnh của HS.

d.Tổ chức thực hiện

- GV giao nhiệm vụ học tập (như mục Nội dung) và hướng dẫn HS:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ học tập, hoạt động cá nhân.

- Đại diện HS thuyết trình kết quả thực hiện; HS khác nhận xét/phản hồi/phản biện.

- GV cùng HS chuẩn hóa kiến thức và đánh giá sản phẩm (sử dụng bảng kiểm)

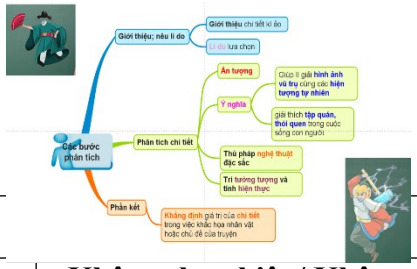

		Có thực hiện/	**Không thực hiện/ Không**

STT	Tiêu chí	Đạt yêu cầu	đạt yêu cầu
1	Xác định yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn		
	- Lựa chọn kiểu đoạn văn là…	……	
	- Đảm bảo dung lượng khoảng 200 chữ	☐	☐
2	Xác định đúng vấn đề cần nghị luận	☐	☐
3	Đề xuất được hệ thống ý phù hợp		
	- Xác định được các ý phù hợp	☐	☐
	- Sắp xếp các ý hợp lí với kiểu đoạn văn lựa chọn	☐	☐
4	Đảm bảo các yêu cầu viết đoạn văn		
	- Lựa chọn thao tác, phương thức lập luận phù hợp	☐	☐
	- Trình bày quan điểm và hệ thống ý	☐	☐
	- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục	☐	☐
5	Diễn đạt đảm bảo	☐	☐
6	Sáng tạo		
	- Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề	☐	☐
	- Có cách diễn đạt mới mẻ	☐	☐

Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức để giải quyết một vấn đề thực tiễn.

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi thực tiễn.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV giao nội dung yêu cầu: Trình bày suy nghĩ của bạn về ý nghĩa của việc sáng tạo thế giới trong truyện thần thoại. Liên hệ với thực tại cuộc sống, bạn thấy câu chuyện này mang đến những bài học gì về vai trò của con người trong việc kiến tạo và bảo vệ thế giới hiện nay?

- HS thực hiện yêu cầu (làm ở nhà).

- GV khuyến khích HS xung phong (1 – 2 HS) trình bày ý kiến trong buổi học tới

+ Việc sáng tạo thế giới trong truyện thần thoại thường không chỉ đơn thuần là câu chuyện giải thích về nguồn gốc của thế giới, mà còn chứa đựng những bài học về trách nhiệm của con người đối với việc bảo vệ và duy trì trật tự thế giới.

+ Liên hệ với cuộc sống hiện nay, câu chuyện nhắc nhở con người rằng mỗi cá nhân đều có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường và duy trì sự sống. Những vấn đề như biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường đang đe dọa sự cân bằng của thế giới, và chúng ta cần có ý thức trách nhiệm hơn trong việc kiến tạo một tương lai bền vững cho các thế hệ sau.

PHỤ LỤC

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 – TRI THỨC NGỮ VĂN

I. Cốt truyện

1. Cốt truyện trong tác phẩm tự sự là gì?

   ……

2. Theo em, sự kiện nào có thể được xem là bước ngoặt trong một truyện kể?

   ……

3. Hãy nêu ví dụ về một cốt truyện em từng đọc hoặc nghe kể.

   ……

II. Truyện kể

4. Truyện kể được hình thành từ những yếu tố nào?

……

5. Theo em, mạch kể của một truyện có vai trò gì?

……

III. Người kể chuyện

6. Người kể chuyện là ai? Có vai trò gì trong truyện kể?

……

7. Hãy chỉ ra sự khác biệt giữa người kể chuyện trong truyện dân gian và truyện hiện đại.

……

IV. Nhân vật

8. Nhân vật trong tác phẩm văn học có thể là những đối tượng nào?

……

9. Vì sao nhân vật được xem là phương tiện để văn học khám phá con người?

……

V. Thần thoại

10. Thần thoại là gì? Có mấy nhóm chính?

……

11. Nhân vật trong thần thoại có đặc điểm gì nổi bật?

……

12. Thần thoại giúp con người cổ đại thực hiện điều gì?

……

13. Em hãy nêu một nét đặc trưng khiến thần thoại hấp dẫn và có sức sống lâu bền.

……

✍ **GỢI Ý PHẦN TỰ CHỌN**

14. Hãy chọn một truyện em từng biết và chỉ ra:

– Sự kiện chính: ……

– Người kể chuyện: ……

– Nhân vật chính: ……

– Yếu tố hấp dẫn nhất: ……

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1.

Chỉ ra các dấu hiệu nhận biết nhóm thần thoại suy nguyên		
Truyện	**Dấu hiệu 1. Đề tài**	**Dấu hiệu 2. Nội dung phản ánh**
Thần Trụ Trời		
Thần Sét		
Thần Gió		

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Xác định thời gian, không gian, nhân vật và sự kiện chính trong từng truyện kể bằng cánh điền thông tin phù hợp vào các ô:

Truyện kể	Thời gian	Không gian	Nhân vật	Sự kiện chính
Thần Trụ Trời				
Thần Sét				
Thần Gió				

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3.

Trong cái nhìn của con người thời cổ đại, thần Trụ Trời, thần Gió và thần Sét có hình dạng và tính khí ra sao? Sự tưởng tượng về các vị thần ấy được hình thành trên cơ sở nào?

Vị thần	Hình dạng – Tính khí nổi bật	Vai trò trong vũ trụ / thế giới tự nhiên	Cơ sở hình thành tưởng tượng
Thần Trụ Trời			
Thần Sét			
Thần Gió			

Câu hỏi 4. Công việc của thần Trụ Trời, thần Sét và thần Gió là gì? Công việc đó được miêu tả như thế nào, nhằm mục đích gì? Hình tượng thần Trụ Trời, thần Sét và thần Gió phản ánh những quan niệm, nhận thức gì của người xưa về thế giới tự nhiên? Những khát vọng nào đã được họ gửi vào các hình tượng đó?

Tìm các chi tiết miêu tả công việc của thần Trụ Trời, thần Sét, thần Gió. Chi tiết nào đậm chất hiện thực, gợi liên tưởng đến công việc của những con người bình thường; chi tiết nào mang màu sắc hoang đường, kì ảo? Mục đích của tác giả dân gian khi miêu tả công việc của các vị thần đó là gì? Dựa vào đặc điểm cơ bản của ba hình tượng thần (hình dáng, hành động, tính cách) để khái quát quan niệm, nhận thức về thế giới tự nhiên và khát vọng của người xưa

	Thần Trụ Trời	Thần Sét	Thần Gió
Công việc			
Mục đích công việc			
Quan niệm, nhận thức			
Khát vọng			

Câu hỏi 6. Chỉ ra những đặc điểm nổi bật trong cách xây dựng nhân vật của chùm truyện. Từ đó, nhận xét về thái độ, tình cảm của người xưa đối với thế giới tự nhiên.

Nhân vật được miêu tả với hình dạng, sức mạnh như thế nào? Nhân vât được xây dựng bằng thủ pháp nghệ thuật gì? Căn cứ vào nguồn gốc, chức năng, đặc điểm của các nhân vật thần Trụ Trời, thần Sét, thần Gió để nêu nhận xét về thái độ, tình cảm của con người Việt Nam thời cổ đại với thiên nhiên.

Câu hỏi 7. Trong những điều làm nên vẻ đẹp "một đi không trở lại" của thần thoại, có niềm tin thiêng liêng về một thế giới mà ở đó vạn vật đều có linh hồn. Theo bạn, niềm tin ấy có còn sức hấp dẫn với con người hiện đại không? Vì sao?

TỔNG KẾT KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

I. Tri thức Ngữ văn

1. **Cốt truyện**
   - Là chuỗi sự kiện (hoặc biến cố) tạo nên bước ngoặt trong thế giới nghệ thuật hoặc bộc lộ ý nghĩa đối với nhân vật và người đọc.
   - Vai trò: Tạo mạch diễn biến, xây dựng cấu trúc truyện, dẫn dắt cảm xúc người đọc.
   - Ví dụ: Trong truyện *Thần Trụ Trời* – sự kiện dựng cột tách trời đất là bước ngoặt.

2. **Truyện kể**
   - Gồm: nhân vật – sự kiện – không gian – thời gian – lời kể nghệ thuật.
   - Có mạch kể thống nhất, logic.
   - Lời kể có thể đan xen lời tả, lời bình, thể hiện quan điểm và cảm xúc.
3. **Người kể chuyện**
   - Là vai được tạo ra để dẫn dắt câu chuyện, giúp người đọc tiếp cận nội dung.
   - Truyện dân gian: thường là người kể ẩn danh, truyền miệng.
   - Truyện hiện đại: người kể có vai trò được xây dựng (ngôi thứ nhất/ba...).
4. **Nhân vật**
   - Là con người, thần linh, vật thể được nhân hoá.
   - Có hình dạng, hành động, tính cách đặc trưng, thường biểu tượng cho tư tưởng, tính cách, khát vọng của con người.
   - Nhân vật là phương tiện để văn học khám phá và phản ánh con người, cuộc sống.
5. **Thần thoại**
   - Là thể loại truyện dân gian cổ xưa nhất, kể về thần linh, vũ trụ, nhân sinh.
   - Có hai nhóm chính:
     - *Thần thoại suy nguyên*: giải thích nguồn gốc vũ trụ, loài người.
     - *Thần thoại sáng tạo*: nói về việc chế ngự, cải tạo thiên nhiên.
   - Đặc điểm:
     - Nhân vật có nguồn gốc siêu nhiên, hình dáng khổng lồ, năng lực phi thường.
     - Dùng lối tư duy huyền thoại: tưởng tượng, biểu tượng hóa, cường điệu...
     - Mang tính nguyên hợp: kết hợp nghệ thuật – triết học – tín ngưỡng – lịch sử.

II. Một số ghi nhớ quan trọng khác

- **Sức hấp dẫn của thần thoại**:
  - Tư duy "vạn vật hữu linh" – niềm tin rằng mọi vật đều có linh hồn.
  - Trí tưởng tượng phong phú, cách kể dung dị mà sâu sắc.

- Khơi dậy khát vọng khám phá, chinh phục thiên nhiên.

- **Thông điệp nhân văn**:
  - Thể hiện niềm tin, sự ngưỡng mộ và khát vọng làm chủ thiên nhiên của con người.
  - Khẳng định vai trò con người trong việc gìn giữ, bảo vệ thế giới.

TIẾT 45: VĂN BẢN 4
ĐỌC HIỂU: TẢN VIÊN TỪ PHÁN SỰ LỤC
(*Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên*)
- Nguyễn Dữ -

I. Mục tiêu:

1. Về kiến thức

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện (truyền kì): cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, chi tiết; qua đó hiểu được vai trò của các yếu tố này trong việc tạo nên sức hấp dẫn của truyện kể.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề của truyện, hiểu được tư tưởng và những thông điệp mà Nguyễn Dữ gửi gắm vào tác phẩm.
- Hiểu được cách nhận thức, lí giải thế giới tự nhiên của người xưa; thấy được vẻ đẹp "một đi không trở lại" làm nên sức hấp dẫn riêng của thể loại thần thoại.

2. Về năng lực

- Năng lực tự chủ và tự học: HS tự tìm kiếm tri thức liên quan đến văn bản theo bộ câu hỏi định hướng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS làm việc nhóm thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực ngôn ngữ: HS đọc được trôi chảy văn bản theo phân vai, phân biệt được kiểu loại văn bản theo đặc trưng thể loại; viết được một đoạn văn trình bày suy nghĩ, đánh giá một khía cạnh về nội dung, nghệ thuật của văn bản.
- Năng lực văn học: HS biết đọc hiểu ngôn từ nghệ thuật, tiếp nhận hợp lí sáng tạo về chủ đề, tư tưởng, giá trị thẩm mĩ từ văn bản.

3. Về phẩm chất:

- Yêu nước: có ý thức bảo vệ tổ quốc, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.
- Trung thực: sống trung thực, có trách nhiệm.
- Trách nhiệm: có lòng can đảm, có tinh thần đấu tranh bảo vệ lẽ phải.

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

- Máy tính, tivi.
- Phiếu học tập, tranh, ảnh/video, …

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu:

- Giúp học sinh kết nối trải nghiệm cá nhân với nội dung văn học truyền kì.

- Kích hoạt kiến thức nền về **yếu tố kì ảo, công lí – bất công** trong văn học.

- Định hướng học sinh bước đầu **tiếp cận chủ đề**: chính – tà, công lí – gian tà trong truyện.

b. Nội dung: Trò chơi khởi động – Vượt qua cánh cổng âm ti

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

<u>C1:</u> Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV trình chiếu slide có 3 "cánh cổng" kèm các câu hỏi:

- Cổng 1: Truyện truyền kì là gì?
- Cổng 2: Bạn đã từng thấy bất công trong đời sống chưa?
- Cổng 3: Nếu được lựa chọn, bạn muốn làm người phán xử hay kẻ đứng trước toà?

- HS chọn 1 cánh cổng, trả lời nhanh (có thể làm theo nhóm hoặc trò chơi tiếp sức).

C2: GV giao nhiệm vụ:

? Bạn có thích đọc những truyện kể chứa đựng các yếu tố kì ảo không? Vì sao?

? Trong cuộc sống hằng ngày, đã bao giờ bạn phải chứng kiến hoặc trải qua những sự việc ngang trái, bất công hay chưa? Lúc đó, bạn cảm thấy như thế nào và mong muốn điều gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

HS trả lời câu hỏi

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV cùng HS chuẩn kiến thức

➡ **Kết luận:** "Để vượt qua thế giới âm ti, bạn cần hiểu rõ lẽ phải và lòng dũng cảm. Cùng theo chân Ngô Tử Văn để khám phá câu chuyện kỳ lạ này!"

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu

- HS nhận diện và phân tích được các yếu tố điển hình của truyện truyền kì (cốt truyện, nhân vật, chi tiết, ngôn ngữ, ngôi kể...).

- HS phát hiện và đánh giá được sức hấp dẫn của yếu tố kì ảo và thông điệp tư tưởng của truyện.

- HS biết vận dụng năng lực ngôn ngữ và văn học để kết nối, viết phản hồi sau đọc.

b. Nội dung

Tổ chức hoạt động khám phá nội dung – nghệ thuật văn bản *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên*..

c. Sản phẩm học tập

- Phiếu học tập nhóm/cá nhân

- Câu trả lời miệng

- Sơ đồ tư duy – bảng hệ thống kiến thức

- Đoạn viết kết nối sau đọc

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Hướng dẫn HS tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm	**I. Khái quát về tác giả, tác phẩm**

B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi số 1 **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS làm việc cá nhân Trình bày những hiểu biết của em về tác giả Nguyễn Dữ, tập truyện *Truyền kì mạn lục* (Có thể làm video clip, powerpoint, sơ đồ tư duy …) **B3. Báo cáo, thảo luận:** - HS báo cáo nội dung đã chuẩn bị **B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, cùng học sinh bổ sung, chuẩn hóa kiến thức	***1. Tác giả Nguyễn Dữ*** - Sống vào khoảng thế kỉ XVI. - Quê quán: xã Đỗ Tùng- huyện Trường Tân (nay thuộc huyện Thanh Miện- Hải Dương). - Thi đỗ cử nhân, làm quan chưa được 1 năm -> từ quan, về quê sống ẩn dật trọn đời **2. *Tác phẩm*** **- Truyện truyền kì:** những câu chuyện kì lạ được lưu truyền trong dân gian, thường có yếu tố hoang đường, kì ảo; nhân vật có thể là con người, tinh loài vật, cỏ cây, thần tiên, ma quái... - *Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên* được trích từ tập truyện *Truyền kì mạn lục* của Nguyễn Dữ. - Tập truyện này được sáng tác vào khoảng nửa đầu thế kỉ XVI theo thể loại truyền kì. - Tác phẩm gồm 20 truyện, được viết bằng chữ Hán với hình thức văn xuôi xen lẫn thơ, ca, từ, biền văn; cuối mỗi truyện đều có lời bình. - *Truyền kì mạn lục* phong phú về đề tài, có giá trị tư tưởng và nghệ thuật đặc sắc; được đánh giá là đỉnh cao của thể loại truyền kì Việt Nam thời trung đại. - *Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên* thuộc nhóm truyện viết về đề tài nho sĩ.
***Hướng dẫn HS tìm hiểu* Người kể chuyện và những sự kiện chính của tác phẩm** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Trình bày PHT số 1, 2 **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS làm việc cặp đôi **B3. Báo cáo, thảo luận:** - HS báo cáo, nhận xét **B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, cùng học sinh bổ sung, chuẩn hóa kiến thức	**II. Khám phá văn bản** **1. Người kể chuyện và những sự kiện chính của tác phẩm** - Người kể chuyện + Truyện được kể từ **ngôi thứ ba**, người kể **giấu mình** sau câu chuyện, không xưng "tôi" mà gọi nhân vật là "chàng", "anh", "hắn"... + Người kể có **tầm nhìn toàn tri**, nắm rõ hành động – tâm lí nhân vật, hiểu được mọi diễn biến xảy ra cả ở trần gian lẫn âm ti. - Những lời kể nào giúp người đọc có được hình dung ban đầu về nhân vật Ngô Tử Văn: Câu văn tiêu biểu: *"Chàng vốn khảng khái, nóng nảy, thấy sự gian tà thì không chịu được, là một người cương trực"* → Gợi ấn tượng đầu tiên về một kẻ sĩ chính trực, mạnh mẽ, sẵn sàng đối đầu với cái xấu. - Vai trò của người kể chuyện: + Hiểu rõ nội tâm nhân vật

<table>
<tr>
<td></td>
<td>
+ Dẫn dắt người đọc và thể hiện quan điểm
+ Góp phần tạo nên tính kịch tính, bất ngờ cho truyện kể
- Sự kiện chính của văn bản
<table>
<tr><th>STT</th><th>Sự kiện chính trong truyện</th><th>Nhận xét về tính cách Tử Văn qua mỗi sự kiện</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Tử Văn đốt ngôi đền thiêng do hồn ma chiếm giữ</td><td>Cương trực, dũng cảm, dám hành động trước điều gian tà</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Bị hồn ma kiện và gặp Thổ công tiết lộ sự thật</td><td>Kiên định, bình tĩnh, biết lắng nghe lời chính nghĩa</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Bị quỷ sứ bắt về Minh ti để xử án</td><td>Cứng cỏi, không nao núng trước áp lực từ quyền lực ma quỷ</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Đối chất tại âm phủ, Diêm Vương suýt xử oan nhưng cuối cùng minh oan cho Tử Văn</td><td>Thông minh, lý lẽ sắc bén, lòng tin vào chính nghĩa</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Được tiến cử làm Phán sự đền Tản Viên – biểu tượng cho sự chiến thắng của chính nghĩa</td><td>Chính trực, được công nhận, biểu tượng cho kẻ sĩ “uy vũ bất năng khuất”</td></tr>
</table>
-> mạch truyện có đặc điểm: dẫn dắt mạch lạc theo thời gian, kết cấu 5 sự kiện nối tiếp nhau theo quan hệ nhân quả. → Kết thúc có hậu, mang giá trị nhân văn sâu sắc: người tốt được minh oan, kẻ ác bị trừng trị
</td>
</tr>
<tr>
<td>
Hướng dẫn HS tìm hiểu:
nhân vật Ngô Tử Văn
B1. Chuyển giao nhiệm vụ:
Trình bày PHT số 3
B2. Thực hiện nhiệm vụ:
- HS làm việc nhóm theo bàn
B3. Báo cáo, thảo luận:
- HS báo cáo, nhận xét
B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:
GV nhận xét, cùng học sinh
</td>
<td>
2. Nhân vật Ngô Tử Văn
* NGÔ TỬ VĂN QUA LỜI KỂ CỦA NGƯỜI KỂ CHUYỆN
- Người kể chuyện giới thiệu nhân vật Ngô Tử Văn
+ Tên chữ là Ngô Tử Văn, tên tục là Soạn, người huyện Yên Dũng, đất Lạng Giang.
+ Chàng vốn khảng khái, nóng nảy, thấy sự gian tà thì không chịu được, là một người cương trực.
- Cách giới thiệu:
+ Lời giới thiệu ngắn gọn, đi vào trọng tâm, sử dụng những tính từ mang tính khẳng định mạnh.
+ cách mở đầu truyền thống trong văn học trung đại, giúp
</td>
</tr>
</table>

<table>
<tr>
<td>bổ sung, chuẩn hóa kiến thức</td>
<td>
người đọc có ấn tượng ban đầu rõ nét về tính cách nhân vật chính – một kẻ sĩ chính trực, dũng cảm, không khoan nhượng với cái xấu.

*** NGÔ TỬ VĂN QUA HÀNH ĐỘNG VÀ LỜI NÓI**

Câu 3: Tìm một hành động hoặc lời nói của Tử Văn thể hiện rõ tính cách của chàng. Nêu ý nghĩa của chi tiết đó.

<table>
<tr><th>Hành động/Lời nói tiêu biểu</th><th>Ý nghĩa về tính cách nhân vật</th></tr>
<tr><td>Đốt ngôi đền thiêng nơi hồn ma chiếm giữ</td><td>Thể hiện sự dũng cảm, quyết đoán, chính nghĩa</td></tr>
<tr><td>Cương quyết đối chất tại Minh ti</td><td>Thể hiện sự dũng cảm, quyết đoán, chính nghĩa</td></tr>
<tr><td>Bình tĩnh khi bị vu cáo, luôn giữ vững lập trường</td><td>Khảng khái, kiên định, không chịu khuất phục cái ác</td></tr>
</table>

- Tính cách nổi bật nhất của Tử Văn là sự **khảng khái, cương trực và bản lĩnh kiên cường**. Chàng dám làm điều đúng, không ngại đối đầu với thế lực siêu nhiên, giữ vững chính kiến đến cùng, ngay cả khi bị đẩy vào hoàn cảnh nguy hiểm. Điều đó khiến Tử Văn trở thành biểu tượng tiêu biểu cho phẩm chất cao đẹp của kẻ sĩ xưa

*** CHIẾN THẮNG VÀ KẾT THÚC – BIỂU TƯỢNG KẺ SĨ**

- Những yếu tố nào giúp Tử Văn chiến thắng trong phiên tòa âm phủ:

☑ Lý lẽ chặt chẽ
☑ Có Thổ Công giúp đỡ
☑ Diêm Vương công tâm
☑ Bản lĩnh kiên cường

- Việc Tử Văn nhận chức Phán sự đền Tản Viên

+ thể hiện tinh thần trách nhiệm với công lý của Tử Văn. Dù biết nhận chức đồng nghĩa với việc phải chết, chàng vẫn chấp nhận vì muốn bảo vệ lẽ phải và đem lại sự công bằng cho nhân dân.

+ biểu hiện cao nhất của tinh thần vị nghĩa vong thân của người trí thức trung đại.

- Tác giả sử dụng chi tiết “người đi đường thấy Tử Văn trên xe quan Phán sự”, “nhà quan Phán sự”
</td>
</tr>
</table>

	+ góp phần làm tăng tính chân thực cho truyện kì ảo, khiến người đọc tin vào sự tồn tại của nhân vật và sự kiện. + cách thể hiện sự ngưỡng mộ, tôn vinh nhân vật chính – Ngô Tử Văn – như một biểu tượng bất tử của chính nghĩa và nhân cách kẻ sĩ.
Hướng dẫn HS tìm hiểu: **Sức hấp dẫn của truyền kì** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** HS trả lời câu hỏi *PHT số 4* **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS thảo luận nhóm theo bàn **B3. Báo cáo, thảo luận:** - HS báo cáo, nhận xét **B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, cùng học sinh bổ sung, chuẩn hóa kiến thức	**3. Sức hấp dẫn của truyền kì** *** THẾ GIỚI THẦN LINH – MA QUỶ VÀ Ý NGHĨA** - Nguyễn Dữ đã xây dựng một thế giới thần linh, ma quỷ vừa kì ảo, li kì, vừa rất giống với xã hội trần thế với đầy đủ các trạng thái: hỗn loạn, bất công, giả dối và tham lam. - Những chi tiết như Thổ Công bị đuổi, hồn ma gian trá lộng hành, Diêm Vương suýt xử oan… cho thấy thế giới "bên kia" cũng đầy biến động, phản ánh sâu sắc hiện thực xã hội phong kiến mục nát. Tu - tác giả cũng đề cao sự công bằng, công lí và lòng chính trực thông qua nhân vật Ngô Tử Văn. *** NGHỆ THUẬT KỂ CHUYỆN ĐẶC SẮC** - kết hợp nhuần nhuyễn giữa yếu tố kì ảo và hiện thực, giữa kể - tả - bình. - Các chi tiết kịch tính được xây dựng theo tuyến cao trào rõ rệt, tạo hấp dẫn cho người đọc. - Nhân vật có cá tính rõ ràng, lời thoại súc tích, hàm nghĩa. => Đây là một tác phẩm điển hình cho thể loại truyền kì với cách dẫn dắt cuốn hút và tư tưởng nhân văn sâu sắc. *** THÔNG ĐIỆP – QUAN NIỆM KẺ SĨ** - Qua hình tượng Tử Văn, tác giả gửi gắm quan niệm về người kẻ sĩ chân chính: sống phải có khí tiết, biết đấu tranh vì chính nghĩa, không khuất phục trước gian tà. - Câu nói "Kẻ sĩ chỉ lo không cứng cỏi được…" khẳng định bản lĩnh và lý tưởng sống cao đẹp. - Tác phẩm đề cao vai trò của chính nghĩa trong đời sống – dù trong xã hội nào, chính nghĩa cũng là ánh sáng soi đường, là sức mạnh để đẩy lùi cái ác và bảo vệ giá trị chân - thiện - mỹ.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Học sinh biết vận dụng kiến thức đã học để mở rộng suy nghĩ, liên hệ với thực tiễn đời

sống.

- Phát triển năng lực tư duy phản biện, năng lực viết đoạn văn nghị luận xã hội ngắn.
- Giáo dục ý thức sống ngay thẳng, chính trực.

b. Nội dung:
Viết đoạn văn nghị luận xã hội bàn về **"Lối sống ngay thẳng và bản lĩnh đối mặt với cái ác trong đời sống hôm nay"**.

c. Sản phẩm:

- Một đoạn văn 10–12 câu có sử dụng phép lập luận, dẫn chứng phù hợp.
- Phần trình bày, thuyết trình cá nhân hoặc nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

GV đặt tình huống: Từ hình tượng Ngô Tử Văn – người dám đứng lên đấu tranh chống lại thế lực gian tà, em hãy trình bày suy nghĩ của mình về lối sống ngay thẳng trong xã hội hiện đại

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân viết đoạn văn. Có thể tham khảo gợi ý:
– Ngay thẳng là gì? Vì sao cần sống ngay thẳng?
– Trong xã hội hiện nay, biểu hiện của lối sống chính trực?
– Phê phán lối sống cơ hội, dối trá, dung túng cho cái ác.
– Liên hệ bản thân.

Bước 3: Báo cáo kết quả

Đại diện học sinh trình bày. Cả lớp góp ý, bổ sung

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:

GV nhận xét, cùng học sinh bổ sung, chuẩn hóa kiến thức

GV nhận xét nội dung – hình thức – kỹ năng trình bày. Chốt kiến thức: sống ngay thẳng là phẩm chất đáng quý, cần được nuôi dưỡng từ hành động nhỏ hằng ngày

Gợi ý:

+ Giải thích: Sống ngay thẳng là sống đúng với con người thật của mình, biết đấu tranh chống lại cái ác, cái xấu. Ghét sự gian tà là căm phẫn trước sự lộng hành của cái ác

+ Ý nghĩa của lối sống: thể hiện bản lĩnh của con người chính trực, góp phần đem lại cuộc sống tốt đẹp cho mọi người, mọi nhà

+ Phê phán lối sống dối trá, đạo đức giả

+ bài học nhận thức và hành động cho bản thân: hiểu được ý nghĩa của lối sống thẳng thắn, biết đấu tranh phê bình và tự phê bình, tích cực tu dưỡng, rèn luyện đạo đức.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG
a. Mục tiêu:

- Học sinh viết được đoạn văn đúng quy cách, mạch lạc.
- Biết lựa chọn chi tiết/chủ đề tiêu biểu để phân tích.
- Biết vận dụng kiến thức đã học để làm nổi bật giá trị nội dung – nghệ thuật của văn bản.
- Phát triển năng lực viết, tư duy phân tích – tổng hợp – đánh giá; bồi dưỡng phẩm chất trung thực, trách nhiệm.

b. Nội dung:

- Viết đoạn văn nghị luận ngắn (khoảng 150 chữ)
- Chủ đề: một chi tiết hoặc chủ đề sâu sắc trong truyện *Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên*.

c. Sản phẩm học tập:

- Một đoạn văn hoàn chỉnh
- Có thể trình bày miệng trước lớp hoặc nộp bài viết cá nhân

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu học sinh lựa chọn 1 trong 2 đề sau để viết đoạn văn (khoảng 150 chữ):
1. Phân tích một **chi tiết nghệ thuật** mà em thấy hấp dẫn nhất trong truyện (*ví dụ: chi tiết Tử Văn đốt đền; phiên toà ở Minh ti; hình ảnh người đi đường gặp Tử Văn trên "xe quan Phán sự"…*)
2. Phân tích một **chủ đề tư tưởng** mà em cho là sâu sắc nhất (*ví dụ: chính – tà, công lí – bất công, hình tượng kẻ sĩ, tinh thần đấu tranh vì lẽ phải…*)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm bài tại nhà. Có thể gợi ý cấu trúc đoạn văn

– Câu mở đoạn: nêu vấn đề
– Thân đoạn: phân tích, dẫn chứng, bình luận
– Kết đoạn: nhận xét, liên hệ (nếu có)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Một số học sinh trình bày bài viết trên padlet. GV nhận xét, khuyến khích sáng tạo

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:

GV nhận xét, cùng học sinh bổ sung, chuẩn hóa kiến thức

GV nhận xét chung, đưa ra nhận định về ưu/khuyết điểm, gợi ý cách cải thiện. Chấm điểm dựa trên **Rubric đánh giá**

Khi viết đoạn văn nghị luận khoảng 150 chữ, các em cần:

- **Tuân thủ hình thức đoạn văn**: viết liền một đoạn, không xuống dòng, đủ mở - thân - kết trong khuôn khổ giới hạn.

- **Chọn chi tiết hoặc chủ đề tiêu biểu, hấp dẫn**: đó có thể là một hình ảnh kì ảo, một hành động quả cảm của nhân vật, hoặc một thông điệp có ý nghĩa sâu sắc.
- **Triển khai luận điểm rõ ràng, có dẫn chứng và bình luận**: cần bày tỏ suy nghĩ, đánh giá của bản thân về ý nghĩa của chi tiết/chủ đề đã chọn.
- **Diễn đạt mạch lạc, đúng chính tả – ngữ pháp, tránh lan man**.

✓ RUBRIC ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (Dưới 5 điểm)	ĐẠT YÊU CẦU (5 – <7 điểm)	LÀM TỐT (7 – <8 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
1. Hình thức (3 điểm)	- Bài sơ sài, cẩu thả - Sai nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp	- Trình bày đúng cấu trúc đoạn - Một số lỗi chính tả	- Trình bày khoa học - Gần như không lỗi	- Hình thức đẹp, sáng tạo - Diễn đạt tốt, không mắc lỗi
2. Nội dung (7 điểm)	- Lạc đề, sơ sài, chưa rõ ý - Chưa bám sát chi tiết/chủ đề	- Trả lời đúng trọng tâm - Có dẫn chứng, một ý mở rộng	- Phân tích rõ ràng, sâu hơn - Có 2 ý mở rộng hoặc liên hệ hợp lí	- Sâu sắc, sáng tạo, thuyết phục - Từ 3 ý mở rộng trở lên - Liên hệ sâu rộng

GV cũng lưu ý: đây là hoạt động vận dụng, do đó các em cần phát huy tư duy độc lập, sáng tạo. Viết ngắn nhưng phải "trúng", thể hiện được sự hiểu sâu sắc về văn bản và quan điểm cá nhân rõ ràng.

PHỤ LỤC

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

TÊN HOẠT ĐỘNG: Khám phá người kể chuyện

Câu hỏi 1:

Người kể chuyện trong truyện *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* là ai? (ngôi thứ mấy? Có đặc điểm gì?)

Câu hỏi 2:

Những lời kể nào giúp em có được hình dung ban đầu về nhân vật Ngô Tử Văn?
Hãy chép lại nguyên văn một câu văn và cho biết câu đó nói lên đặc điểm gì?

Câu hỏi 3:

Theo em, vai trò của người kể chuyện trong truyện này là gì?
□ Kể lại sự kiện trung lập
□ Hiểu rõ nội tâm nhân vật
□ Dẫn dắt người đọc và thể hiện quan điểm
(☑ chọn nhiều đáp án nếu đúng)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

TÊN HOẠT ĐỘNG*:* Xác định sự kiện chính của văn bản

Yêu cầu: Hãy sắp xếp các sự kiện chính của truyện theo trình tự thời gian và logic nhân quả.

STT	Sự kiện chính trong truyện	Nhận xét nhanh về tính cách Tử Văn qua mỗi sự kiện
1		
2		
3		
4		
5		

Gợi ý mở rộng:
→ Em thấy mạch truyện này có điểm gì đặc biệt về cách dẫn dắt và kết thúc?

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Tên hoạt động: Tìm hiểu nhân vật Ngô Tử Văn

PHẦN 1: NGÔ TỬ VĂN QUA LỜI KỂ CỦA NGƯỜI KỂ CHUYỆN

Câu 1: Người kể chuyện giới thiệu nhân vật Ngô Tử Văn như thế nào?

....
.....

Câu 2: Em nhận xét gì về cách giới thiệu này?

....
.....

PHẦN 2: NGÔ TỬ VĂN QUA HÀNH ĐỘNG VÀ LỜI NÓI

Câu 3: Tìm một hành động hoặc lời nói của Tử Văn thể hiện rõ tính cách của chàng. Nêu ý nghĩa của chi tiết đó.

Hành động/Lời nói tiêu biểu	Ý nghĩa về tính cách nhân vật

Câu 4: Theo em, tính cách nào của Tử Văn là nổi bật nhất? Vì sao?

....
.....

PHẦN 3: CHIẾN THẮNG VÀ KẾT THÚC – BIỂU TƯỢNG KẺ SĨ

Câu 5: Những yếu tố nào giúp Tử Văn chiến thắng trong phiên tòa âm phủ? (Chọn các đáp án đúng)

□ Lý lẽ chặt chẽ
□ Có Thổ Công giúp đỡ
□ Diêm Vương công tâm
□ Bản lĩnh kiên cường

Câu 6: Việc Tử Văn nhận chức Phán sự đền Tản Viên nói lên điều gì?

....
.....

Câu 7: Tác giả sử dụng chi tiết "người đi đường thấy Tử Văn trên xe quan Phán sự", "nhà quan Phán sự" để làm gì?

....
.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Tên hoạt động: Tìm hiểu sức hấp dẫn của truyện truyền kì

PHẦN 1: THẾ GIỚI THẦN LINH – MA QUỶ VÀ Ý NGHĨA

Câu 1: Tác giả Nguyễn Dữ đã xây dựng thế giới thần linh, ma quỷ như thế nào trong truyện? Nêu một vài chi tiết tiêu biểu.

.....

(Gợi ý: Sự xuất hiện bất ngờ của nhiều vị thần, Thổ Công bị đuổi, hồn ma gian trá, các đền

miếu khác tiếp tay...)
Câu 2: Qua thế giới hư cấu đó, em hiểu thêm điều gì về chủ đề của truyện?
.....
→ (Gợi ý: Tác giả phản ánh xã hội bất công, phê phán những thế lực gian tà, đề cao người chính trực – tiêu biểu là Ngô Tử Văn.)

PHẦN 2: NGHỆ THUẬT KỂ CHUYỆN ĐẶC SẮC

Câu 3: Kể tên một vài đặc điểm nghệ thuật nổi bật được sử dụng trong tác phẩm:
□ Yếu tố kì ảo, hư cấu
□ Lời kể sinh động, hàm súc
□ Cách xây dựng nhân vật sinh động, có cá tính rõ rệt
□ Mạch truyện hấp dẫn, kịch tính
□ Kết hợp giữa kể - tả - bình luận
Câu 4: Em ấn tượng với chi tiết nghệ thuật nào nhất? Vì sao?
....
.....

PHẦN 3: THÔNG ĐIỆP – QUAN NIỆM KẺ SĨ

Câu 5: Từ câu nói: *"Kẻ sĩ chỉ lo không cứng cỏi được, còn gãy hay không là việc của trời..."*, em rút ra được bài học gì?
.....
→ (Gợi ý: Phải giữ vững khí tiết, sống có lý tưởng, không vì khó khăn mà thay đổi phẩm chất.)
Câu 6: Tác phẩm giúp em nhận thức thế nào về giá trị của chính nghĩa trong cuộc sống?
....
.....

TIẾT 6,7 : Văn bản 5
ĐỌC HIỂU: CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ
- Nguyễn Tuân -

I. Mục tiêu:
1. Về kiến thức
- Nhận biết được lời người kể chuyện ngôi thứ ba và lời của nhân vật.
- Chỉ ra và phân tích được bối cảnh, tình huống truyện.

2. Về năng lực
- Năng lực tự chủ và tự học: HS tự tìm kiếm tri thức liên quan đến văn bản theo bộ câu hỏi định hướng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS làm việc nhóm thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực ngôn ngữ: HS đọc được trôi chảy văn bản theo phân vai, phân biệt được kiểu loại văn bản theo đặc trưng thể loại; viết được một đoạn văn trình bày suy nghĩ, đánh giá một khía cạnh về nội dung, nghệ thuật của văn bản.
- Năng lực văn học: HS biết đọc hiểu ngôn từ nghệ thuật, tiếp nhận hợp lí sáng tạo về chủ đề, tư tưởng, giá trị thẩm mĩ từ văn bản.

3. Về phẩm chất:
- Yêu nước: Giữ gìn văn hóa dân tộc.
- Nhân ái: Trân trọng người tài, cái đẹp, sự tài hoa.
- Trách nhiệm: Tư duy đề cao cái đẹp, đề cao thiên lương của con người.

II. Thiết bị dạy học và học liệu:
- Máy tính, tivi.
- Phiếu học tập, tranh, ảnh/video, …

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu:

- Gợi mở chủ đề bài học: cái đẹp, cái thiện trong hoàn cảnh phi thường.

- Hình thành hứng thú, khơi gợi cảm xúc thẩm mỹ nơi học sinh.

- Kích hoạt kiến thức nền, kết nối trải nghiệm cá nhân với nội dung bài học.

b. Nội dung

- Học sinh quan sát hình ảnh thư pháp, ông đồ cho chữ; suy nghĩ, chia sẻ cảm nhận và liên hệ đến giá trị của "chữ" và "người cho chữ".

- Suy đoán và kết nối vào tình huống truyện "Chữ người tử tù".

c. Sản phẩm**:** Câu trả lời cá nhân hoặc nhóm

d. Các bước tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV trình chiếu 2 hình ảnh:

1. Một bức thư pháp viết chữ "Tâm" hoặc "Thiện".
2. Hình ảnh ông đồ cho chữ dịp Tết.

GV nêu nhiệm vụ:

"Các em hãy quan sát hình ảnh sau và thảo luận nhanh (2 phút) theo nhóm đôi hoặc nhóm 4, trả lời các câu hỏi sau:"

- *Em cảm nhận gì khi nhìn thấy chữ thư pháp?*

- *Vì sao người xưa coi việc 'cho chữ' là một hành động thiêng liêng?*

- *Em nghĩ điều gì sẽ xảy ra nếu người viết chữ ấy là… một tử tù?*

Hoặc:

Dựa vào nhan đề "Chữ người tử tù", bạn thử suy đoán xem tác phẩm viết về câu chuyện gì.

+ Câu hỏi: "Chữ" trong nhan đề là văn tự nào, có liên quan đến bộ môn nghệ thuật gì?

+ Chữ đó là của ai – thuộc về ai? Tử tù thường là những con người như thế nào? Các yếu tố tương phản trong nhan đề gợi suy đoán về một câu chuyện bình thường hay khác thường?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận trong nhóm (2 phút).
- GV quan sát, gợi mở thêm cho nhóm chậm.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- Một vài nhóm hoặc đại diện cá nhân trình bày nhanh (mỗi nhóm 30 giây – 1 phút).

- GV ghi nhanh các từ khóa chính lên bảng: "chữ – văn hóa – tâm hồn – tử tù – ánh sáng – tăm tối – nhân cách".

Bước 4: Đánh giá kết quả

- GV nhận xét ngắn gọn về phần chia sẻ của học sinh: đúng trọng tâm, có liên hệ sâu sắc, sáng tạo.

- Kết luận và dẫn vào bài: "Từ những chia sẻ vừa rồi, các em đã cảm nhận được phần nào sự thiêng liêng của chữ viết. Vậy điều gì sẽ xảy ra nếu người cho chữ lại là một tử tù, và người xin chữ lại là kẻ cai ngục? Câu chuyện 'Chữ người tử tù' của Nguyễn Tuân sẽ đưa chúng ta vào một tình huống đặc biệt, nơi cái đẹp và cái thiện được tỏa sáng trong chốn lao tù u ám…"

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu

- Tóm tắt được truyện thông qua chuỗi sự kiện chính.

- Nhận biết vai trò của người kể chuyện, phân biệt lời kể và lời nhân vật.

- Phân tích, suy luận, đánh giá các chi tiết tiêu biểu trong truyện để làm nổi bật tính cách nhân vật Huấn Cao và viên quản ngục.

- Nêu được các yếu tố tạo nên sức hấp dẫn của tác phẩm: tình huống truyện, nhân vật, ngôn ngữ nghệ thuật...

- Vận dụng năng lực viết để thể hiện hiểu biết, cảm nhận sau khi đọc văn bản.

b. Nội dung

- Tìm hiểu tình huống truyện, hệ thống nhân vật, nghệ thuật kể chuyện và ngôn ngữ biểu đạt.

- Phân tích cảnh "cho chữ" như một điểm kết tinh tư tưởng nghệ thuật của tác phẩm.

- Xác định thông điệp nhân văn mà Nguyễn Tuân gửi gắm qua truyện.

c. Sản phẩm: phiếu học tập, câu trả lời miệng, sơ đồ tư duy.

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
1. Hướng dẫn HS tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ **GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ theo Phiếu học tập số 1:** "Hãy trình bày những hiểu biết của em về tác giả Nguyễn Tuân và tác phẩm *Chữ người tử tù*. Em có thể trình bày bằng sơ đồ tư duy, bản trình chiếu hoặc clip ngắn (1–2 phút)." Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ ● HS làm việc cá nhân tại nhà hoặc tại lớp (nếu có điều kiện thiết bị). ● GV hướng dẫn HS tập trung vào các nội dung chính: 1. Nguyễn Tuân là ai? Nét nổi bật trong con người và sáng tác?	I. KHÁI QUÁT VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM **1. Tác giả Nguyễn Tuân (1910–1987)** - Là cây bút lớn của văn học Việt Nam hiện đại, nổi bật ở thể loại **truyện ngắn, tùy bút**. **- Phong cách nghệ thuật đặc sắc:** + "Cái tôi" tài hoa, độc đáo, uyên bác. + Yêu cái đẹp, đề cao cái tài, trân trọng những giá trị văn hóa truyền thống. + Giàu cảm hứng lãng mạn, vận dụng từ ngữ tinh tế, giàu chất tạo hình. **2. Tác phẩm "Chữ người tử tù"** - Ban đầu có tên **"Giòng chữ cuối cùng"**, in trên tạp chí *Tao Đàn* (1938). - Năm 1940, được in lại trong tập *Vang bóng một thời* với tên hiện tại. **- Tập Vang bóng một thời**:

2. Thể loại, hoàn cảnh sáng tác, đặc điểm nhân vật trong *Chữ người tử tù*? ● HS hoàn thành nội dung trên phiếu học tập/sản phẩm số hóa. Bước 3: Báo cáo, thảo luận ● Một số học sinh trình bày sản phẩm (chiếu clip, trình bày slide, đọc sơ đồ tư duy). ● GV mời các nhóm khác nhận xét – đặt câu hỏi phản biện. ● Các nhóm bổ sung – cập nhật thông tin lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ ● GV nhận xét: nội dung chính xác – trình bày sáng tạo – thái độ học tập.	+ Gồm 11 truyện ngắn viết về những con người tài hoa nhưng lỡ thời, sống trong hoài niệm về quá khứ vàng son. + Là nỗ lực của Nguyễn Tuân nhằm phục dựng lại "một thời vang bóng" của văn hóa cổ truyền, qua lăng kính tài hoa và hoài niệm.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ **GV giao nhiệm vụ theo Phiếu học tập số 2:** "Các em hãy làm việc cá nhân, điền vào Phiếu học tập số 2: Tóm tắt các sự kiện chính trong truyện *Chữ người tử tù*, sau đó xác định sự kiện trung tâm và rút ra tình huống truyện." **Gợi ý kèm theo:** ● Lưu ý những hành động, diễn biến liên quan đến Huấn Cao và quản ngục. ● Chú ý sự bất thường của thời gian – không gian – mối quan hệ nhân vật. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ ● HS làm việc cá nhân (5–7 phút). ● GV quan sát, hỗ trợ nếu cần, nhắc nhở học sinh khai thác theo gợi ý. Bước 3: Báo cáo, thảo luận ● 2–3 học sinh trình bày nội dung đã hoàn thành. ● Các HS khác bổ sung – phản hồi –	II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN 1. Tình huống truyện **Những sự kiện chính trong truyện:** ● Quản ngục nhận lệnh đón tử tù và dò hỏi về Huấn Cao. ● Đêm trước ngày đón tù, quản ngục trăn trở suy nghĩ về cuộc đời mình. ● Quản ngục tiếp nhận sáu tử tù và biệt đãi riêng Huấn Cao. ● Huấn Cao tỏ thái độ lạnh nhạt dù nhận biệt đãi. ● Quản ngục thổ lộ tâm nguyện xin chữ. ● Huấn Cao xúc động trước tấm lòng tri kỉ, đồng ý cho chữ. ● Cảnh cho chữ diễn ra trong nhà ngục – không gian phi thường. ● Huấn Cao trao chữ và khuyên quản ngục "đổi nghề", viên quản ngục xúc động tiếp nhận. **Sự kiện xuyên suốt toàn truyện:** ● Cuộc gặp gỡ đặc biệt giữa quản ngục và

nêu ý kiến so sánh. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ ● GV nhận xét phần báo cáo: nội dung đúng, có chiều sâu, phân biệt được sự kiện và tình huống. ● Chuẩn hóa kiến thức:	Huấn Cao. **Tình huống truyện:** ● Cuộc kì ngộ giữa một người tử tù tài hoa và một viên quản ngục có tâm hồn nghệ sĩ. ● **Đặc điểm:** ○ Không gian: nhà lao. ○ Thời gian: trước giờ xử tử. ○ Mối quan hệ: đối nghịch trong xã hội nhưng tri âm trong nghệ thuật. **Giá trị:** tạo kịch tính, thể hiện chủ đề truyện – khẳng định sự chiến thắng của cái đẹp, cái thiện, thiên lương giữa bóng tối.
3. Hướng dẫn HS tìm hiểu: nhân vật viên quản ngục **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Hoàn thành phiếu học tập số 3 **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS làm việc cặp đôi, hoàn thành phiếu học tập số 3 Lưu ý hướng dẫn của thẻ đọc số 2 **B3. Báo cáo, thảo luận:** - HS báo cáo, nhận xét	**2. Nhân vật quản ngục** **- Ngoại hình:** *"đầu đã điểm hoa râm, râu đã ngả màu"; "Những đường nhăn nheo của một bộ mặt tư lự"* -> gương mặt in hằn dấu vết của tuổi tác và công việc, mang biểu hiện của sự dằn vặt, day dứt trong nội tâm **- Môi trường sống:** trong khung cảnh đề lao tối tăm, lạnh lẽo, sống bằng tàn nhẫn và lừa lọc, giữa những đồ vật tàn tạ, cũ kĩ -> Gợi cảm giác xót xa - **Tâm trạng**: **thao thức** và vẻ **tư lự** khi quản ngục **băn khoăn** ngồi bóp thái dương trong đêm đợi tù + chi tiết miêu tả *ngôi sao Hôm, ngôi sao chính vị sắp từ biệt vũ trụ* -> ngưỡng mộ, trọng nể của quản ngục với Huấn Cao + Câu văn miêu tả **sự thay đổi trong gương mặt quản ngục***: "Những đường **nhăn nheo** của một bộ mặt **tư lự**, bây giờ đã biến mất hẳn. Ở đấy, **giờ** chỉ còn là mặt nước **ao xuân, bằng lặng, kín đáo và êm nhẹ**"* -> Quản ngục luôn phải sống hai vai trong hai cuộc đời. + Ban ngày là một quản ngục mẫn cán tới độc ác với việc đe nẹt thơ lại, với những mánh khóe hành hạ tù

B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: GV nhận xét, cùng học sinh bổ sung, chuẩn hóa kiến thức => Chủ thể lời kể = **người kể chuyện toàn tri**. => Quan sát nhân vật từ **ngôi thứ ba**: Nguyễn Tuân đã phác họa khá rõ nét **tính cách** nhân vật quản ngục, tạo cho người đọc những **ấn tượng tốt đẹp** với một con người sống trong môi trường đề lao **"đầy lừa lọc và tàn nhẫn"** mà vẫn giữ được vẻ hiền hoà, lương thiện, "**một thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn, xô bồ".**	nhân trước mặt bọn lính. + Ban đêm lại trở về với cõi riêng của một tấm lòng dịu dàng, lương thiện, một tâm hồn nghệ sĩ trân trọng cái đẹp và tài hoa. **- Tính cách được giới thiệu:** *Trong hoàn cảnh đề lao, người ta sống bằng **tàn nhẫn, bằng lừa lọc**; tính cách dịu dàng và lòng biết giá người, biết trọng người ngay của viên quan coi ngục này **là một thanh âm trong trẻo** chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ. Ông trời nhiều khi hay chơi ác đem đầy ải những cái thuần khiết vào giữa một đống cặn bã.* + Hình ảnh so sánh + Sự tồn tại éo le và lạc lõng của một người "chọn nhầm nghề". + Sự đối lập trớ trêu giữa con người lương thiện và hoàn cảnh sống tàn ác -> tính cách dịu dàng, lòng biết giá người, biết trọng người ngay **-> Bi kịch** của một con người phải sống hai vai trong hai cuộc đời. => Thể hiện **thái độ trân trọng và cảm thông** của **người kể chuyện** với nhân vật quản ngục, một kẻ chọn nhầm nghề, và cuộc kì ngộ với Huấn Cao sắp tới sẽ là dịp để quản ngục nhìn lại rõ **lòng mình** cũng **tình cảnh đáng buồn của cuộc đời mình.** **-** Chi tiết "ta muốn biệt đãi ông Huấn Cao…" -> bộc lộ bản chất tốt lành của nhân vật quản ngục
4. Hướng dẫn HS tìm hiểu nhân vật Huấn Cao **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Hoàn thành phiếu học tập số 5 **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**	**3. Nhân vật Huấn Cao** ***a. Tài hoa tuyệt đích*** - Gián tiếp qua **lời đồn** về **tài viết chữ rất nhanh và rất đẹp** (Mới chỉ viết 3 bức tranh chữ … tài hoa của ông - Qua những lời ca ngợi và **niềm mong mỏi khao khát đầy ngưỡng mộ** của quản ngục: "Chữ ông

- HS thảo luận nhóm lớn; Thời gian 5p Lưu ý: Tìm các chi tiết để làm rõ đặc điểm tính cách nhân vật Huấn Cao. Lời giới thiệu ban đầu: *"Này, thầy bát, cứ công văn này, thì chúng ta sắp nhận được sáu tên tù ăn chém. Trong đó, tôi nhận thấy tên **người đứng đầu** bọn phản nghịch là Huấn Cao. Tôi nghe ngờ ngợ. Huấn Cao! Hay là cái người mà vùng tỉnh Sơn ta vẫn khen **cái tài viết chữ rất nhanh** và **rất đẹp** đó không?"* **->Con người tài hoa và khí phách** Qua thái độ, cách ứng xử của Huấn Cao với nghệ thuật, với con người -> **Nhân cách cao thượng** **B3. Báo cáo, thảo luận:** - HS báo cáo, nhận xét **B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, cùng học sinh bổ sung, chuẩn hóa kiến thức	Huấn đẹp lắm, vuông lắm...Có được chữ ông Huấn mà treo là có được một bầu vật trên đời". - Vẻ đẹp trong đường nét và ý nghĩa của chữ còn được chính Huấn Cao **trực tiếp khẳng định**: đó là "những nét chữ vuông tươi tắn nó nói lên cái hoài bão tung hoành của một đời con người..." - Tài hoa xuất chúng của Huấn Cao khiến chữ của ông thậm chí còn **quý giá** hơn cả mạng sống của con người (QN đã bất chấp để có) - Ca ngợi tài của Huấn Cao, nhà văn thể hiện quan niệm và tư tưởng nghệ thuật của mình: + Kính trọng, ngưỡng mộ người tài, + Trân trọng nghệ thuật thư pháp cổ truyền của dân tộc. ***b. Khí phách anh hùng*** - Theo công văn nhận tù, Huấn Cao là **người đứng đầu bọn phản nghịch chống lại triều đình.** -> Nhìn từ góc độ của nhân dân, Huấn Cao chính là bậc anh hùng, là **con người dũng cảm, ngang tàng** dám đứng lên chiến đấu chống lại cả một thể chế xã hội tàn bạo, bất công, không bận tâm đến sự sống chết của riêng mình. - Chi tiết ông Huấn "lạnh lùng" dỗ gông, thản nhiên bước vào nhà ngục; *"thản nhiên nhận rượu thịt, coi đó là một việc vẫn làm trong cái hứng sinh bình lúc chưa bị giam cầm.* -> **cốt cách ung dung, tâm hồn tự do** ngay giữa chốn lao tù. - Thái độ lạnh lùng và sự "khinh bạc đến điều", lời nói ngạo nghễ "ta chỉ muốn một điều, là ngươi đừng đặt chân vào đây". - Thái độ **điềm tĩnh** khi nghe tin vào kinh lĩnh án tử hình; **bình thản** dành đêm sống cuối cùng của mình để viết chữ, cho chữ và khuyên bảo quản ngục với **tư thế đĩnh đạc**, hiên ngang trong cảnh cho chữ... -> **Khí phách ngang tàng mạnh mẽ của một người đứng trên mọi sự sống chết ở đời.** ***c. Nhân cách cao thượng:*** - Câu nói: *"Ta nhất sinh không vì vàng ngọc hay quyền thế mà ép minh viết câu đối bao giờ"* + Với ông Huấn, mỗi **bức tranh chữ** là một **tác**

	phẩm nghệ thuật quí giá, và nghệ thuật chân chính bao giờ cũng là một thế giới **thanh sạch, cao khiết** không có chỗ cho **danh lợi,** không chấp nhận sự **hèn đớn.** + Lời khẳng định của Huấn Cao cho thấy **tiết tháo trong sạch, kiên cường** của một nhà nho tải hoa tài tử coi thường cả những **cám dỗ vật chất** lẫn sự đe dọa của những **sức mạnh cường quyền**, đó là con người "phú quí bất năng dâm, uy vũ bất năng khuất". + Đây cũng là **quan điểm sáng tác** của chính Nguyễn Tuân khi nhà văn luôn **đối lập nghệ thuật với tính vụ lợi.** - Chi tiết "*tính ông vốn **khoảnh,** trừ chỗ tri kỉ, ông ít khi chịu cho chữ*" + Với Huấn Cao, viết chữ là một **việc thiêng liêng cao quí** không chỉ để thể hiện **tài hoa** trong nghệ thuật thư pháp mà quan trọng hơn là để bộc lộ và gửi gắm cái tâm, cái chí của mình; mà **cái tâm** và **cái chí** ấy thì chỉ có thể chia sẻ với những người **tri âm tri kỉ.** + Do đó, cái gọi là **khoảnh** trong tính cách của Huấn Cao chỉ càng thể hiện lòng **quí trọng với ban bè,** sự trân trọng với **cái đẹp**, chỉ trao tặng cái đẹp cho người **tri âm, tri kỉ -** đó cũng là sự trân trọng với chính **tài hoa, tâm, chí** của mình. - Khi thấu hiểu tấm lòng **biệt nhỡn liên tài và "sở thích cao quý"** của quản ngục, Huấn Cao hoàn toàn **thay đổi thái độ.** **- Tiếng than ân hận:** "Thiếu chút nữa, ta đã phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ" **lời bày tỏ:** "Đời ta cũng mới viết có hai bộ tứ bình và một bức trung đường cho ba người bạn thân của ta thôi." - việc ông Huấn **đồng ý cho chữ** quản ngục -> Huấn Cao **coi khinh danh lợi, ngạo nghễ trước cường quyền**, **xem thường cái chết** nhưng lại rất **sợ "phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ".** ->Huấn Cao lại cư xử thật **trân trọng và chí tình** -> Huấn Cao không chỉ **quí trọng cái đẹp**, ông còn **quí trọng những con người biết yêu, biết trọng cái đẹp.** -> Nỗi ân hận của Huấn Cao cho thấy một trong

<table>
<tr>
<td></td>
<td>những điều quan trọng nhất của cuộc đời là tấm lòng; và người biết trân trọng tấm lòng chắc chắn cũng phải có một tấm lòng.

=> Vẻ đẹp của nhân vật Huấn Cao không chỉ có tài hoa, khí phách mà còn có lòng yêu cái thiện, biết trân trọng thiên lương của con người.</td>
</tr>
<tr>
<td>

5. Hướng dẫn HS tìm hiểu: **Cảnh cho chữ**

CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

HS trả lời câu hỏi cá nhân

*Sự kiện nào đã tạo nên **bước chuyển** trong thái độ của Huấn Cao với quản ngục? Sau sự kiện ấy, mối quan hệ của họ đã thay đổi như thế nào?*

HS thảo luận nhóm theo bàn: Chỉ ra các yếu tố khiến cảnh cho chữ trở thành một ***cảnh tượng "xưa nay chưa từng có"***. *Hãy phân tích ý nghĩa của cảnh tượng kì lạ đó.*

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- HS làm việc cá nhân

B3. Báo cáo, thảo luận:

- HS báo cáo, nhận xét

B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:
GV nhận xét, cùng học sinh bổ sung, chuẩn hóa kiến thức

Chỉ ra các yếu tố khiến cảnh cho chữ **trở thành một** cảnh tượng "xưa nay chưa từng có". **Hãy phân tích** ý nghĩa **của cảnh tượng kì lạ đó.**

- *Hãy tìm ra và phân tích ý nghĩa của các yếu tố tương phản trong cảnh cho chữ.*

- *Nghệ sĩ thường chỉ có thể sáng tạo nghệ thuật trong tâm thế và hoàn cảnh nào? Trong sinh hoạt văn hoá thời trung đại, nghệ thuật thư pháp thường gắn liền với những không gian, thời gian nào? Trong truyện, Huấn Cao cho chữ quản ngục khi nào và ở đâu?*

</td>
<td>

4. Cảnh cho chữ

- Nhận công văn thông báo việc Huấn Cao và các đồng chí của ông phải vào kinh lĩnh án tử hình, quản ngục bày tỏ với thơ lại về tâm nguyện mong có được chữ ông Huấn để treo trong nhà.

- Thơ lại kể cho ông Huấn nghe và tâm nguyện của quản ngục, Huấn Cao xúc động vì tấm lòng "biệt nhỡn liên tài" của quản ngục và đồng ý cho chữ.

- Mối quan hệ giữa Huấn Cao và quản ngục thay đổi

<table>
<tr><th>Trước sự kiện</th><th>Sau sự kiện</th></tr>
<tr><td>Tử tù >< cai ngục</td><td>Người sáng tạo cái đẹp // Người say mê cái đẹp, trọng người tài</td></tr>
<tr><td>Quản ngục biệt đãi ân cần, thái độ lễ phép, kính trọng

>< Huấn Cao lạnh lùng "khinh bạc đến điều</td><td>Quản ngục thổ lộ tâm nguyện với Cao Huấn Cao qua thơ lại // Huấn Cao cảm động trước sở thích và tấm lòng cao quí, đồng ý cho chữ.</td></tr>
<tr><td>Quản ngục không oán thù, cũng không dám giáp mặt Huấn Cao, biệt đãi hậu hơn >< Huấn Cao ngạc nhiên, có chút bận tâm về thái độ kì lạ của quản ngục.</td><td>Từ quan hệ đối nghịch, xa cách, họ đã trở thành những người tri âm, tri kỉ, bởi chung một tình yêu với cái Đẹp.</td></tr>
</table>

*** Cảnh Huấn Cao cho chữ**

</td>
</tr>
</table>

- Mối quan hệ giữa người cho chữ và người xin chữ có gì đặc biệt? Cách ứng xử của họ bình thường hay kì lạ? *- Phân tích ý nghĩa hình ảnh "một bó đuốc tẩm dầu rọi lên ba cái đầu người đang chăm chú trên một tấm lụa bạch" và chi tiết "Ba người nhìn bức châm rồi lại nhìn nhau"*	

Thông thường	**Trong tình huống truyện**	**Sự tương phản đối lập**
Bản chất của nghệ thuật chân chính là **sáng tạo tự do**	Nghệ sĩ tài hoa đang say mê tô từng nét chữ lại là một **người tù mất tự do**, "cổ đeo vướng gông, chân xiềng".	- Tương phản trong **tình huống sáng tạo nghệ thuật** - Cái đẹp trở nên mong manh, quí giá và **giờ khắc tạo ra cái đẹp** càng trang trọng, thiêng liêng) - **Tâm thế kì lạ**: Viết xong chữ mà người cho không phấn khích; nhận được chữ mà người nhận không mãn nguyện -> cả hai bên đều ngậm ngùi, buồn bã (Huấn Cao thở dài // quản ngục nghẹn ngào xúc động)
Nghệ thuật giúp cho **cái đẹp bất tử**	Người sáng tạo ra **cái đẹp bất tử** lại là một **tử tù** trong đêm sống cuối cùng	
Nghệ sĩ thư pháp thường viết chữ ở những **thư phòng thanh sạch, cao khiết** với nến, hương trầm …	Huấn Cao viết chữ trong **buồng giam** "chật hẹp, ẩm ướt, tường đầy mạng nhện, đất bừa bãi phân chuột, phân gián".	**-Tương phản trong hoàn cảnh sáng tạo nghệ thuật → Ý chí phi thường** của những con người tri kỉ đến với nhau bằng tình yêu cái đẹp, dám vượt lên trên mọi sự nghiệt ngã chốn ngục tù để sáng tạo, chiêm ngưỡng, để lưu giữ, truyền tụng cái đẹp, những con người ấy đã giúp cho **cái đẹp có thể ngự trị, toả sáng, và chiến thắng ngay chính trong nơi chốn của cái xấu, cái ác.**
Người tù có **vị thế thấp** hơn người coi tù	"Người tù cổ đeo gông, chân vướng xiềng" thì **uy nghi, đàng hoàng, hiên ngang, đĩnh đạc** viết chữ, cho chữ, dạy bảo và khuyên nhủ. + Người coi tù thì **"run run", "khúm núm"...**	– Tương phản trong **vị thế** của người tù và kẻ coi tù. Còn quản ngục và thơ lại, những người **yêu cái đẹp, trọng người tài**; khi buồng giam thành nơi ngự trị của **cái đẹp, cái thiện** thì họ là người xin chữ, người **chiêm ngưỡng** và may mắn được **tiếp nhận cái đẹp** của nghệ thuật, cái thiện của thiên lương - **vị thế** giữa họ chính là sự thể hiện **trật tự mới được thiết lập theo tiêu chí của cái đẹp, cải thiện.**
	+ Người tù sau khi viết xong còn **cúi xuống**, ân cần "đỡ viên quản ngục đứng thẳng người dậy"; còn ngục quan,	-> Chi tiết Huấn Cao "đỡ viên quản ngục đứng thẳng người dậy" mang ý nghĩa ẩn dụ sâu sắc: Huấn Cao **không chỉ sáng tạo, ban phát cái đẹp** mà thông qua sức mạnh kì diệu

	sau khi nhận được chữ và những lời khuyên bảo thì **nghẹn ngào khóc "cảm động, vái người tù một với" (...) nghẹn ngào: "Kẻ mê muội này xin bái lĩnh."**	của cái đẹp, ông còn **cứu vớt cả một con người lầm lạc.** -> **Cái đẹp, cái thiện, cái cao cả** đã **chiến thắng và toả sáng,** bóng tối dơ dáy của ngục tù đã nhường chỗ cho ánh sáng của cái đẹp cao khiết, của thiên lương trong sáng.
Khung cảnh nhà ngục tăm tối với cái xấu, cái ác	Hình ảnh "một bó đuốc tẩm dầu rọi lên ba cái đầu với người đang chăm chú trên một tấm lụa bạch"	**Lòng yêu quí và trân trọng cái đẹp** đã giúp những con người vốn là đối địch, cùng nhau hình thành **một thế giới nhỏ bé, cô đơn nhưng thanh sạch cao cả, thế giới của cái đẹp, cái thiện, quay lưng lại thế giới của cái xấu, cái ác.**
Ba con người ở hai phía đối địch	Chi tiết *ba người nhìn bức châm rồi lại nhìn nhau ….*	Họ thực sự đã trở thành những người **tri âm tri kỉ** bởi **tình yêu cái đẹp** và **lòng hướng thiện**

*** Thông điệp qua câu chuyện xin chữ và cho chữ.**

- Nghệ thuật và cái đẹp không bao giờ song hành với thói vụ lợi, sự hèn nhát, không chấp nhận môi trường xấu xa, hỗn độn, …

- Sự thống nhất giữa **cái đẹp và cái thiện**; cái đẹp không thể tách rời cái thiện; không thể chiêm ngưỡng cái đẹp ở nơi ngự trị của cái ác -> Quan điểm tiến bộ của Nguyễn Tuân

- Nghệ sĩ không chỉ cần có tài hoa và **lòng quí trọng cái đẹp**, nghệ sĩ còn phải có tấm lòng, có sự **quí trọng những con người biết yêu, biết trọng cái đẹp**

- Người sáng tạo cái đẹp, **người thưởng thức cái đẹp** không chỉ cần tài hoa và lòng yêu tài hoa mà **cần có cả thiên lương, khí phách.**

- Cái đẹp chân chính có sức mạnh **gìn giữ thiên lương**, thanh lọc tâm hồn, **cảm hoá con người, chiến thắng** cái xấu, cái ác... và có **sức sống bất diệt**.

Khẳng định sức mạnh kì diệu của nghệ thuật, của thiên lương: thể hiện quan niệm của Nguyễn Tuân về cái đẹp và phẩm chất của người nghệ sĩ.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu câu hỏi định hướng tư duy: *Theo em, điều gì đã tạo nên sức hấp dẫn đặc biệt của truyện ngắn "Chữ người tử tù"?* *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ* – HS suy nghĩ và trả lời cá nhân trong 3–5 phút. – Gợi ý: Nghĩ đến yếu tố nội dung và nghệ thuật. *Bước 3: Báo cáo – thảo luận* – Một số HS trình bày.	***5. Sức hấp dẫn đặc biệt của truyện ngắn*** *** Hấp dẫn về nội dung tư tưởng** - Truyện ngắn khắc họa sâu sắc hình tượng **Huấn Cao** – người nghệ sĩ lý tưởng mang vẻ đẹp toàn diện: **tài hoa, khí phách, nhân cách cao cả**. **- Cuộc gặp gỡ giữa Huấn Cao và quản ngục** là sự kết tinh của tình yêu cái đẹp, thiên lương và nhân cách, khẳng định: *Cái đẹp gắn liền cái thiện – nghệ thuật chân chính có khả năng cảm hóa con người.*

– Các bạn khác bổ sung. GV định hướng mở rộng góc nhìn. *Bước 4: Đánh giá – Chuẩn hóa kiến thức* GV nhận xét, tổng kết và củng cố	- Tác phẩm thể hiện **quan niệm thẩm mỹ tiến bộ của Nguyễn Tuân**: cái đẹp bất tử, bất chấp hoàn cảnh khắc nghiệt. *** Hấp dẫn về nghệ thuật** **- Tình huống truyện độc đáo**: "Cảnh cho chữ trong ngục tối" – tình huống phi lí lại vô cùng giàu tính biểu tượng, đối lập gay gắt giữa cái đẹp – cái ác, ánh sáng – bóng tối. **- Nghệ thuật xây dựng nhân vật điêu luyện**: + Huấn Cao: chân dung lí tưởng hóa, hội tụ cái đẹp cổ điển và hiện đại. + Quản ngục: nhân vật tâm lý phức tạp, chuyển biến tinh tế, giàu chất nhân văn. **- Thủ pháp đối lập – tương phản** sử dụng nhuần nhuyễn: Người cho chữ – người xin chữ, tù nhân – cai ngục, ánh sáng – bóng tối… → Làm nổi bật tư tưởng và tôn vinh cái đẹp. **- Ngôn ngữ nghệ thuật giàu hình ảnh**, mang màu sắc cổ kính nhưng vẫn có chất hiện đại, tạo nên phong vị đặc trưng của Nguyễn Tuân.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Củng cố, vận dụng kiến thức về nội dung và nghệ thuật truyện *Chữ người tử tù*.

- Đạt các yêu cầu về **kĩ năng đọc hiểu văn bản**, nhận diện – phân tích chi tiết nghệ thuật, nhân vật, thông điệp.

- Phát triển năng lực **tư duy phản biện**, **ứng dụng kiến thức văn học vào nhận thức thẩm mỹ**

b. Nội dung thực hiện: GV phát vấn trực tiếp; HS trả lời cá nhân

c. Sản phẩm học tập: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên giao nhiệm vụ:

Câu 1. Cảnh cho chữ diễn ra trong hoàn cảnh nào?
A. Thư phòng sang trọng của Huấn Cao
B. Buồng giam tối tăm, ẩm ướt, đầy phân chuột, phân gián
C. Nhà ngục rộng rãi, có ánh sáng đèn dầu
D. Nơi công cộng có đông người chứng kiến
→ **Đáp án: B** – *Hoàn cảnh đối lập với sự thanh cao của nghệ thuật, tạo nên tính chất "xưa*

nay chưa từng có" của cảnh cho chữ.

Câu 2. Huấn Cao là người có tài gì đặc biệt?
A. Thơ ca
B. Thư pháp
C. Hội họa
D. Võ nghệ
→ **Đáp án: B** – *Huấn Cao nổi tiếng với tài viết chữ "rất nhanh và rất đẹp".*

Câu 3. Người xin chữ Huấn Cao là ai?
A. Thơ lại
B. Người cai tù già
C. Viên quản ngục
D. Quan hình bộ
→ **Đáp án: C** – *Viên quản ngục là người yêu cái đẹp, khao khát xin chữ.*

Câu 4. Vì sao Huấn Cao ban đầu từ chối cho chữ?
A. Vì đang bị giam giữ
B. Vì ghét quản ngục
C. Vì không cho chữ người không tri kỷ
D. Vì không có đủ giấy, mực
→ **Đáp án: C** – *Ông "vốn khoảnh", chỉ viết cho bạn thân, người tri âm.*

Câu 5. Hành động cúi đầu nghẹn ngào nhận chữ của quản ngục thể hiện điều gì?
A. Sự sợ hãi
B. Sự phục tùng quyền uy
C. Sự cảm phục, trân trọng cái đẹp và thiên lương
D. Sự xấu hổ
→ **Đáp án: C** – *Hành động biểu hiện lòng cảm động sâu sắc trước nhân cách Huấn Cao.*

Câu 6. Cảnh cho chữ là một cảnh "xưa nay chưa từng có" vì:
A. Diễn ra ban đêm
B. Có người cho chữ là tử tù, người xin chữ là quản ngục
C. Có ánh sáng rọi vào tấm lụa
D. Người viết chữ có tài phi thường
→ **Đáp án: B** – *Sự đảo ngược vị thế và hoàn cảnh tạo nên tính độc đáo, hiếm có.*

Câu 7. Việc Huấn Cao cho chữ quản ngục thể hiện điều gì sâu sắc nhất?
A. Trân trọng người biết yêu cái đẹp
B. Coi nhẹ cái chết
C. Coi thường nghề ngục
D. Từ bỏ bản thân
→ **Đáp án: A** – *Ông "sợ phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ".*

Câu 8. Thông điệp quan trọng nhất của truyện là:
A. Nghệ thuật chân chính là để trang trí cuộc sống
B. Thiên lương và cái đẹp có thể chiến thắng bóng tối, cái ác
C. Tử tù nào cũng có tài năng
D. Cần cải cách nhà ngục

→ **Đáp án: B** – *Nguyễn Tuân khẳng định sức mạnh của cái đẹp và đạo đức trong việc cảm hóa con người.*

Câu 9. Qua nhân vật Huấn Cao, Nguyễn Tuân gửi gắm quan niệm nào về người nghệ sĩ?
A. Cần sống giản dị
B. Cần có tài và có tâm
C. Cần sống ẩn dật
D. Cần nổi tiếng
→ **Đáp án: B** – *Người nghệ sĩ chân chính không chỉ có tài hoa mà còn có nhân cách.*

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

- HS đọc thực hiện nhiệm vụ.

- GV quan sát, gợi mở.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận:

Học sinh trình bày phần bài làm của mình

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:

GV nhận xét, cùng học sinh bổ sung, chuẩn hóa kiến thức

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu

- Học sinh viết được đoạn văn nghị luận văn học đúng quy cách (khoảng 150 chữ).
- Học sinh biết **chọn chi tiết tiêu biểu, chủ đề rõ ràng** để triển khai ý.
- Học sinh vận dụng kiến thức đã học để **phân tích một yếu tố nghệ thuật** hoặc **vẻ đẹp nhân vật văn học**, kết nối với đời sống hiện đại.

b. Nội dung

- Viết **đoạn văn nghị luận** với hai dạng yêu cầu:
  1. **Tưởng tượng – sáng tạo**: đóng vai nhân vật → liên hệ giá trị nghệ thuật, đạo đức.
  2. **Phân tích – cảm nhận**: khai thác yếu tố nghệ thuật, phẩm chất nhân vật.

c. Sản phẩm học tập

- Đoạn văn khoảng **150 chữ** (viết trên lớp hoặc ở nhà).
- Đảm bảo bố cục đoạn văn – có luận điểm rõ ràng – có dẫn chứng – có phân tích.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động trên lớp – Viết sáng tạo (tưởng tượng)

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu:

Tưởng tượng em là Huấn Cao. Em sẽ viết chữ gì để tặng quản ngục? Vì sao em chọn chữ đó?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc cá nhân (viết nhanh đoạn ngắn 5–7 phút)

Bước 3: Báo cáo – thảo luận

- Một số HS trình bày, GV gọi ý kiến nhận xét

Bước 4: Đánh giá – chuẩn hóa

- GV nhận xét: đúng quy cách – chọn chữ phù hợp – lý giải có chiều sâu → Từ đó, khái quát: **vẻ đẹp của thiên lương, giá trị nhân văn và sức sống của cái đẹp.**

Hoạt động về nhà – Viết phân tích (nghị luận văn học)

Bước 1: Giao nhiệm vụ

HS lựa chọn một trong hai yêu cầu:

1. *Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một yếu tố nghệ thuật đặc sắc trong truyện ngắn "Chữ người tử tù".*
2. *Em ấn tượng nhất với vẻ đẹp phẩm chất nào của Huấn Cao? Theo em, vẻ đẹp ấy có còn sức hấp dẫn với con người hiện đại không? Vì sao?*

Gợi ý hướng dẫn học sinh thực hiện:

☑ **Yêu cầu 1: Phân tích nghệ thuật**

- Gợi ý chọn chi tiết: cảnh cho chữ → vị thế giữa người tù và người coi tù
- Gợi ý triển khai:
  - Nêu vị thế thông thường trong ngục tù (người tù thấp hơn)
  - Nêu sự đảo ngược trong truyện: tử tù Huấn Cao là người ban phát cái đẹp, khuyên bảo
  - Giải thích nguyên nhân: thiên lương, nghệ thuật vượt lên hoàn cảnh
  - Khái quát ý nghĩa: cái đẹp – cái thiện có sức mạnh cảm hóa con người, đảo ngược trật tự cũ

☑ **Yêu cầu 2: Cảm nhận vẻ đẹp nhân vật**

- Gợi ý các phẩm chất nổi bật:
  - Tài hoa
  - Khí phách
  - Nhân cách cao thượng, trọng cái đẹp
- Gợi ý mở rộng: trong đời sống hiện đại, vẻ đẹp ấy có còn ý nghĩa? → trả lời có, vì nó nhắc nhở con người sống có lí tưởng, có nhân cách, biết trân trọng thiên lương và chân – thiện – mĩ.

Bước 2: HS thực hiện ở nhà

Bước 3: Báo cáo – thảo luận (tiết sau)

- Một số HS đọc bài trước lớp, GV yêu cầu lớp nhận xét

Bước 4: GV đánh giá – bổ sung – chuẩn hóa
Nhấn mạnh tiêu chí: bố cục đoạn văn, cách chọn và phân tích chi tiết, thông điệp rõ ràng

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Tên học sinh: …… Lớp: ……

Chủ đề: *Phân tích tình huống truyện trong "Chữ người tử tù" – Nguyễn Tuân*

1. Tóm tắt các sự kiện chính trong truyện

Thứ tự sự kiện	**Sự kiện chính (ghi ngắn gọn, rõ ý)**
1	
2	
3	
4	
5	
6	
7	
8	

2. Sự kiện nào là trung tâm xuyên suốt truyện?

→ ……
……

3. Dựa vào sự kiện trên, hãy xác định tình huống truyện

- **Không gian diễn ra tình huống:** .....
- **Thời gian:** .....
- **Nhân vật chính tham gia:** .....
- **Điều gì làm cho tình huống này trở nên đặc biệt, độc đáo?**

  → ……
  ……

  → ……
  ……

4. Vai trò của tình huống truyện trong việc thể hiện nội dung, chủ đề truyện:

→……
……

→ ……
……

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3 – TÌM HIỂU NHÂN VẬT VIÊN QUẢN NGỤC

1. Hoàn cảnh sống của nhân vật viên quản ngục
   - Ông làm việc ở đâu? Môi trường sống có ảnh hưởng gì đến tâm tính của ông?
2. Ngoại hình và biểu hiện tâm trạng
   - Những chi tiết miêu tả ngoại hình và biểu hiện nội tâm của viên quản ngục? Em cảm nhận gì?
3. Thái độ – hành động của quản ngục với Huấn Cao
   - Ông đối xử với Huấn Cao như thế nào? Có gì đặc biệt so với vị trí của ông?
4. Lời kể của người kể chuyện
   - Người kể chuyện quan sát và đánh giá quản ngục ra sao?
   - Tìm một hình ảnh so sánh nổi bật thể hiện thái độ của người kể chuyện.

5. Tính cách và bi kịch của nhân vật

- Em rút ra điều gì về tính cách viên quản ngục?
- Bi kịch lớn nhất của ông là gì?

6. Em có suy nghĩ gì về nhân vật viên quản ngục?

 PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4 – NHÂN VẬT HUẤN CAO

Chủ đề: Tìm hiểu nhân vật Huấn Cao qua các chi tiết tiêu biểu

STT	Nội dung cần tìm hiểu	Chi tiết văn bản minh họa	Ý nghĩa – Nhận xét
1	Hành động, thái độ của Huấn Cao khi mới vào trại giam	(Ví dụ: lạnh lùng, "khinh bạc đến điều", không đáp lễ…)	…… …… → Thể hiện phẩm chất gì?
2	Phản ứng của Huấn Cao khi nghe quản ngục xin chữ	…… …… …… ……	→ Em thấy phản ứng đó đặc biệt như thế nào? Vì sao?
3	Diễn biến và không gian cảnh cho chữ	(Miêu tả khung cảnh nhà giam, ánh sáng, hành động, lời nói…)	→ Qua đó, Huấn Cao hiện lên với phẩm chất gì?
4	Chi tiết tiêu biểu nhất thể hiện **tâm hồn, nhân cách Huấn Cao**	(Ví dụ: "Ta nhất sinh không vì vàng ngọc…", "Thiếu chút nữa ta đã phụ…")	→ Vì sao nhóm em cho rằng đây là chi tiết tiêu biểu nhất?
5	Thông điệp nghệ thuật và nhân sinh từ hình tượng Huấn Cao	…… …… …… ……	→ Tác giả muốn người đọc hiểu điều gì về con người, cái đẹp, cái thiện?

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Yêu cầu: Dựa vào văn bản "Chữ người tử tù", em hãy hoàn thành bảng sau:

Nội dung khám phá	Gợi ý trả lời (HS điền)
1. Sự kiện tạo bước ngoặt trong mối quan hệ giữa HC và QN	
2. Không gian, thời gian cảnh cho chữ	
3. Những yếu tố tương phản trong cảnh cho chữ	
4. Cảm xúc, tâm thế của người cho chữ và người xin chữ	
5. Ý nghĩa hình ảnh: "một bó đuốc tẩm dầu...", "nhìn nhau"	
6. Thông điệp Nguyễn Tuân gửi gắm qua cảnh cho chữ	

TIẾT 8

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: SỬ DỤNG TỪ HÁN VIỆT

I. Mục tiêu:

1. Năng lực

- Nhận biết, giải nghĩa từ Hán Việt, sử dụng từ Hán Việt đúng ngữ cảnh tránh được lỗi dùng từ sai nghĩa.
- Nhận biết, phân tích được hiệu quả sử dụng từ Hán Việt.

- Năng lực tự chủ và tự học: HS tự tìm kiếm tri thức liên quan đến văn bản theo bộ câu hỏi định hướng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS làm việc nhóm thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực ngôn ngữ: HS nói đúng, đọc đúng, viết đúng, dùng từ đúng trong thực tế giao tiếp và viết văn bản.

2. Phẩm chất:
- Yêu nước: trân trọng gìn giữ tiếng nói của dân tộc.
- Trách nhiệm: có ý thức tìm hiểu để sử dụng đúng, hiệu quả từ Hán Việt.

II. Thiết bị dạy học và học liệu:
- Máy tính, tivi.
- Phiếu học tập, tranh, ảnh/video, …

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: HS có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới của bài học.

b. Nội dung:

- GV phát vấn

- HS trả lời

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:
Học sinh tham gia trò chơi "Đuổi hình bắt chữ" với các từ*: tiến cử, đồng chí, lương thiện*

Theo em các từ *tiến cử, đồng chí, lương thiện* xét về nguồn gốc thuộc loại từ gì? Người ta thường dùng những từ đó trong trường hợp nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ và tự do phát biểu cá nhân.

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

HS trả lời câu hỏi
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:
GV nhận xét, cùng học sinh bổ sung, chuẩn hóa kiến thức

HOẠT ĐỘNG 2. CỦNG CỐ KIẾN THỨC.

a. Mục tiêu:

- HS ôn tập kiến thức về từ tiếng Việt; ghi nhớ, hiểu khái niệm, đặc điểm từ Hán Việt.

- HS nhận biết, phân tích được giá trị biểu đạt của từ Hán Việt trong các tác phẩm văn học.

- HS thực hành sử dụng từ Hán Việt đúng và hiệu quả trong đời sống thực tế.

b. Nội dung:

Hoàn thành các bài tập theo yêu cầu

c. Sản phẩm: phiếu học tập, câu trả lời miệng.

d. Tổ chức thực hiện:

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm

Hướng dẫn HS ôn tập kiến thức cơ bản về từ Hán Việt *Bước 1 – Chuyển giao nhiệm vụ* GV nêu 2 câu hỏi trắc nghiệm, yêu cầu HS suy nghĩ độc lập và chọn đáp án đúng. **Câu 1:** Từ Hán Việt là những từ như thế nào? A. Là những từ được mượn từ tiếng Hán B. Là những từ được vay mượn của tiếng Hán, nhưng được đọc theo cách phát âm riêng của tiếng Việt C. Là từ Hán nghĩa Việt D. Là từ có âm đọc Hán và ghi lại bằng chữ Quốc ngữ **Đáp án đúng: B** **Câu 2:** Từ Hán Việt mang sắc thái biểu cảm như thế nào? A. Bình dị, gần gũi B. Thân mật, tình cảm C. Suồng sã, thô tục D. Trang trọng, lịch sự **Đáp án đúng: D** *GV có thể cho HS trình bày thêm bằng cách giải thích vì sao chọn đáp án.* *Bước 2 – Thực hiện nhiệm vụ* ● HS làm việc cá nhân, ghi câu trả lời vào vở hoặc phiếu. ● Có thể kết hợp hình thức "Giơ thẻ màu" hoặc "Giơ bảng con". *Bước 3 – Báo cáo – Thảo luận* ● GV gọi 2–3 HS chia sẻ nhanh lý do chọn đáp án. ● Các nhóm có thể bổ sung cho nhau nếu có sự khác biệt. *Bước 4 – Đánh giá và chuẩn hóa kiến thức* GV nhận xét, chuẩn hóa và trình bày bảng tóm tắt kiến thức	**I. Kiến thức cơ bản về từ Hán Việt** **1. Khái niệm:** *Từ Hán Việt* là những từ vay mượn từ tiếng Hán, đã Việt hóa về âm đọc, nhưng vẫn mang yếu tố văn hóa Trung Hoa. **2. Đặc điểm:** ● Mang sắc thái **trang trọng, cổ kính, nghi lễ** ● Dùng trong các văn bản **hành chính, văn chương, chính luận…** ● Giúp lời nói **tao nhã, tránh thô tục** ● **Không nên lạm dụng**, dễ khiến diễn đạt mất tự nhiên **3. Ví dụ minh họa:** ● Từ thuần Việt: *đẹp, ăn, nói, yêu…* ● Từ Hán Việt: *mỹ lệ, thực, ngôn, ái…*

Hướng dẫn thực hành

Bước 1 – Chuyển giao nhiệm vụ:

GV trình chiếu đoạn văn, phát phiếu học tập:

1. Giải thích nghĩa của những từ ngữ Hán Việt được in đậm trong các câu văn dưới đây:

a. "Kẻ kia là một cư sĩ, trung thuần lẫm liệt, có công với **tiên triều**, nên Hoàng thiên cho được hưởng cùng tết ở một nơi đến để đền công khó nhọc. Mà lại một kẻ **hàn sĩ**, sao dám hỗn láo, tội ác tự mình làm ra, còn trốn đi đằng nào?"
*(Nguyễn Dữ, **Chuyện chức phán sự đền Tản Viên**)*

b. "[...] Xin đại vương **khoan dung** tha cho hắn để tỏ cái đức rộng rãi. Chẳng cần đòi hỏi đầy đủ. Nếu thắng tay trị tội nó, sợ hại đến cái đức **hiếu sinh**."
*(Nguyễn Dữ, **Chuyện chức phán sự đền Tản Viên**)*

c. "Đối với những người nhút nhát, phép nước nghiêm lắm. Nhưng biết ngài là một người có **nghĩa khí**, tôi muốn châm chước ít nhiều."
*(Nguyễn Tuân, **Chữ người tử tù**)*

d. "Chỗ này không phải là nơi để treo một bức lụa trắng treo với những nét chữ vuông vắn tươi tắn, nó nói lên những cái **hoài bão tung hoành** của một đời con người."
*(Nguyễn Tuân, **Chữ người tử tù**)*

Yêu cầu HS:

- Gạch chân từ Hán Việt có trong các câu văn.
- Tra cứu hoặc suy luận nghĩa của các từ Hán Việt này.
- Giải thích ngắn gọn nghĩa của mỗi từ và đặt câu nếu có thể.

Bước 2 – Thực hiện nhiệm vụ:

- HS làm việc cá nhân hoặc cặp đôi,

II. Thực hành

Bài tập 1.

Từ Hán Việt	Giải nghĩa
Tiên triều	Triều đại trước, đời vua trước.
Hàn sĩ	Người trí thức nghèo trong xã hội phong kiến.
Khoan dung	Rộng lượng, tha thứ cho lỗi lầm của người khác.
Hiếu sinh	Yêu quý, trân trọng sự sống, không nỡ giết chóc, làm hại sinh mạng.
Nghĩa khí	Tinh thần nghĩa hiệp, dám làm điều phải, dám bảo vệ lẽ công bằng.
Hoài bão tung hoành	Khát vọng lớn lao và hành động mạnh mẽ, tự do, không bị bó buộc.

 Việc sử dụng từ Hán Việt trong các tác phẩm văn học giúp:

- Tăng tính **trang trọng, cổ kính** cho lời văn.
- Thể hiện chiều sâu văn hóa và **cái tôi nghệ sĩ** của người viết.
- Góp phần **khắc họa tính cách nhân vật**, làm nổi bật chủ đề tư tưởng tác phẩm.

 GV nhắc nhở HS: Khi sử dụng từ Hán Việt trong viết văn hoặc nói chuyện, cần **hiểu đúng, dùng đúng**, tránh "lạm dụng" hoặc dùng sai khiến câu văn trở nên "khoa trương, sáo rỗng".

ghi câu trả lời vào phiếu học tập số 1.

- GV quan sát, hỗ trợ học sinh khi cần thiết.

Bước 3 – Báo cáo – Thảo luận:

- Một số HS đại diện trình bày câu trả lời.
- HS khác nhận xét, bổ sung hoặc chỉnh sửa nếu cần.

Bước 4 – Đánh giá – Chuẩn hóa kiến thức:

GV tổng hợp – chuẩn hóa nghĩa các từ

Bước 1 – Chuyển giao nhiệm vụ:

GV trình bày yêu cầu bài tập sau (phiếu học tập số 2):

Bài tập 2:

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu:

"Ta **nhất sinh** không vì vàng ngọc hay **quyền thế** mà ép mình viết câu đối bao giờ. Đời ta cũng mới viết có hai bộ **tứ bình** và một bức **trung đường** cho ba người bạn thân của ta thôi. Ta rất cảm cái tấm lòng **biệt nhỡn liên tài** của các người. Nào ta có biết đâu một người như thầy quản đây mà lại có những sở thích cao quý như vậy. Thiếu chút nữa, ta đã phụ mất một tấm lòng trong **thiên hạ**."

(Nguyễn Tuân – Chữ người tử tù)

Bước 2 – Thực hiện nhiệm vụ:

HS làm việc **theo nhóm bàn**, mỗi nhóm hoàn thành

a. Tìm 5 từ Hán Việt trong đoạn văn trên:

nhất sinh, quyền thế, tứ bình, trung đường, biệt nhỡn liên tài, thiên hạ

b. Thử thay thế một từ Hán Việt trong đoạn văn trên bằng 1 từ hoặc cụm từ biểu đạt ý nghĩa tương đương. Hãy đối chiếu câu, đoạn văn gốc với câu, đoạn

Bài tập 2:

a. Tìm 5 từ Hán Việt trong đoạn văn:

- **Nhất sinh**: suốt đời, cả cuộc đời.
- **Quyền thế**: thế lực, địa vị và sức mạnh.
- **Tứ bình**: bộ tranh/thư pháp gồm bốn bức, thường theo chủ đề tứ thời.
- **Trung đường**: bức hoành phi lớn treo giữa gian chính trong nhà.
- **Biệt nhỡn liên tài**: cái nhìn trân trọng dành cho người có tài.
- **Thiên hạ**: thiên hạ, người đời.

 Có tổng cộng **6 từ Hán Việt** xuất hiện trong đoạn văn.

b. Thay thế và nhận xét:

Từ Hán Việt	**Thay thế bằng từ/cụm từ thuần Việt**	**Nhận xét**
Nhất sinh	Suốt một đời	Mất đi sắc thái trang trọng, cổ kính.
Tứ bình	Bộ tranh bốn tấm	Thiếu tính văn chương, không thể hiện sự nhã nhặn.
Trung đường	Bức treo giữa nhà	Gãy ý, không truyền được nét truyền thống.
Biệt nhỡn liên tài	Quý người có tài	Không truyền được cảm xúc trang trọng, tôn kính.

<table>
<tr>
<td>
văn mới để rút ra nhận xét về sự thay thế này.

● GV hướng dẫn HS: đánh dấu từ Hán Việt, giải nghĩa, thử thay thế và nhận xét hiệu quả sử dụng.

Bước 3 – Báo cáo – Thảo luận:
● Mỗi nhóm cử đại diện trình bày phần trả lời.
● Các nhóm khác bổ sung, đối chiếu nhận xét.

Bước 4 – Đánh giá – Chuẩn hóa kiến thức:
GV tổng hợp, nhận xét
</td>
<td>
<table>
<tr><td>Thiên hạ</td><td>Người đời, mọi người</td><td>Gần nghĩa nhưng không đạt độ khái quát cổ kính như nguyên bản.</td></tr>
</table>
→ Nhận xét chung: Việc thay từ Hán Việt bằng từ thuần Việt dù đúng nghĩa nhưng làm giảm đi tính biểu cảm, phong cách cổ kính và sự trang trọng trong lời văn. Các từ Hán Việt ở đây phù hợp với bối cảnh nhân vật Huấn Cao – một người tài hoa, có cốt cách và sống trong không khí Nho phong.

c. Ý nghĩa của việc sử dụng từ Hán Việt trong đoạn văn:
● Góp phần thể hiện tính cách, nhân cách của Huấn Cao – người nghệ sĩ tài hoa, có khí phách.
● Tạo sắc thái trang trọng, cổ kính, nhã nhặn, phù hợp với phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân.

Làm nổi bật tư tưởng thiên lương, ca ngợi cái đẹp, cái tài, cái tâm trong xã hội xưa
</td>
</tr>
<tr>
<td>
B1. Chuyển giao nhiệm vụ:
GV nêu yêu cầu:

“Chia lớp thành 4 đội. Trong 5 phút, đội nào tìm được 6 từ Hán Việt có chứa một trong ba yếu tố sau: cương trực, hàn sĩ, hiếu sinh và đặt câu đúng ngữ nghĩa với mỗi từ thì đội đó giành chiến thắng.”

B2. Thực hiện nhiệm vụ:
● HS làm việc nhóm (theo bàn hoặc nhóm phân công trước).
● Mỗi nhóm cử một thư ký ghi kết quả, một người đại diện trình bày.
● GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm chưa hiểu yêu cầu.

B3. Báo cáo, thảo luận:
● Đại diện từng nhóm đọc kết quả (tên 6 từ và câu đặt với mỗi từ).
● Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

B4. Đánh giá, chuẩn hóa kiến thức:
</td>
<td>
Bài tập 3.
1. Từ Hán Việt có yếu tố "cương trực":
● cương nghị
● cương quyết
● trung trực
● chính trực
Câu ví dụ:
● Người lính cương quyết không lùi bước trước kẻ thù.

2. Từ Hán Việt có yếu tố "hàn sĩ":
● hàn vi
● bần hàn
● sĩ tử
● sĩ phu
● nho sĩ
Câu ví dụ:
● Sĩ tử từ khắp nơi nô nức về kinh ứng thí.

3. Từ Hán Việt có yếu tố "hiếu sinh":
</td>
</tr>
</table>

<table>
<tr>
<td>

- GV nhận xét:
  - Tính chính xác trong việc lựa chọn từ Hán Việt.
  - Tính phù hợp ngữ cảnh trong câu đặt.

Tinh thần hợp tác nhóm

</td>
<td>

- hiếu thảo
- sinh thời
- hiếu khách

Câu ví dụ:

Người Việt Nam nổi tiếng là dân tộc **hiếu khách.**

</td>
</tr>
<tr>
<td>

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

GV nêu yêu cầu:

"Các em đọc kỹ các câu văn dưới đây, phát hiện lỗi dùng từ Hán Việt (nếu có), sau đó phân tích vì sao sai và đưa ra phương án sửa đúng."

a. *Việc chăm chỉ đọc sách giúp ta tích luỹ được nhiều trí thức bổ ích.*

b. *Tại phiên toà nơi cõi âm, nhân vật Tử Văn đã thể hiện được sự cứng cỏi, ngang tàng của hàn sĩ.*

c. *Thói quen học tập theo kiểu "nước đến chân mới nhảy" là một yếu điểm của nhiều bạn học sinh.*

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- HS làm việc cá nhân.
- Ghi đáp án vào vở/phiếu học tập.

B3. Báo cáo, thảo luận:

- Một số HS trình bày kết quả (câu trả lời và phần phân tích).
- GV mời học sinh khác nhận xét, bổ sung.

B4. Đánh giá, chuẩn hóa kiến thức:

- GV chốt đáp án đúng, giải thích lại nguyên nhân sai – đúng.
- Rút ra ghi nhớ về các lỗi thường gặp khi sử dụng từ Hán Việt.

</td>
<td>

Bài tập 4

Câu a:

Sai: Việc chăm chỉ đọc sách giúp ta tích lũy được nhiều **trí thức** bổ ích.

→ **Giải thích:** "Trí thức" dùng sai trường nghĩa. "Trí thức" là từ chỉ **giai tầng, tầng lớp có học vấn cao** trong xã hội.

→ **Sửa:** "Tri thức" hoặc "kiến thức" mới đúng nghĩa trong ngữ cảnh này.

✔ **Câu đúng:** Việc chăm chỉ đọc sách giúp ta tích lũy được nhiều **tri thức** bổ ích.

Câu b:

Sai: Tại phiên tòa nơi cõi âm, nhân vật Tử Văn đã thể hiện được sự cứng cỏi, ngang tàng của **hàn sĩ**.

→ **Giải thích:** "Hàn sĩ" là người trí thức nghèo, thanh cao. Không đồng nghĩa với "ngang tàng, cứng cỏi".

→ **Sửa:** Thay bằng "kẻ sĩ" – từ mang sắc thái khí phách, ngạo nghễ, phù hợp hơn.

✔ **Câu đúng:** …thể hiện được sự cứng cỏi, ngang tàng của **kẻ sĩ**.

Câu c:

Sai: Thói quen học tập theo kiểu "nước đến chân mới nhảy" là một **yếu điểm** của nhiều bạn học sinh.

→ **Giải thích:** "Yếu điểm" là **điểm mạnh, vị trí chiến lược quan trọng** (thuật ngữ quân sự).

→ **Sửa:** Nên dùng "điểm yếu" hoặc "hạn chế".

✔ **Câu đúng:** …là một **điểm yếu** của nhiều bạn học sinh.

IV. Ghi nhớ sau bài tập

GV cùng học sinh rút ra bảng tổng kết nhỏ:

<table>
<tr><th>Lỗi thường gặp</th><th>Nguyên nhân</th><th>Cách khắc phục</th></tr>
</table>

</td>
</tr>
</table>

Dùng từ Hán Việt sai nghĩa	Nhầm trường nghĩa giữa từ gần giống âm	So sánh nghĩa chính xác trong từ điển
Dùng từ không đúng phong cách	Chọn từ trang trọng/sách vở cho ngữ cảnh bình thường	Chọn từ phù hợp với hoàn cảnh sử dụng
Dùng từ sai cấu tạo từ	Hiểu sai yếu tố tạo nghĩa	Phân tích nghĩa Hán Việt từng yếu tố cấu thành

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- Học sinh biết **ứng dụng kiến thức từ Hán Việt** vào thực tế đời sống và bài viết.
- Biết cách **dùng từ Hán Việt phù hợp ngữ cảnh, phong cách**, tránh lỗi dùng sai.
- Biết **viết đoạn văn** có sử dụng từ Hán Việt đúng và hiệu quả, có chiều sâu tư duy.

b. Nội dung:

- Viết đoạn văn ngắn có sử dụng từ Hán Việt.
- Phân tích tác dụng của từ Hán Việt trong văn cảnh cụ thể.

c. Sản phẩm:

- 01 đoạn văn nghị luận xã hội hoặc nghị luận văn học (khoảng 150 chữ)
- Có sử dụng tối thiểu **3 từ Hán Việt chính xác, hiệu quả**.
- Có thể đính kèm phiếu tự đánh giá đoạn văn (GV phát kèm).

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS thực hiện một trong hai bài viết sau:

☑ *Nhiệm vụ tại lớp:*

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) với đề bài:

"Theo em, vì sao giới trẻ hiện nay cần sử dụng tiếng Việt trong sáng, giàu bản sắc – trong đó có từ Hán Việt? Hãy trình bày suy nghĩ của em."

 Yêu cầu:

- Sử dụng ít nhất **3 từ Hán Việt** đúng và hay.
- Gạch chân các từ Hán Việt đã dùng.
- Giải thích ngắn gọn lý do sử dụng từ Hán Việt đó trong đoạn viết.

☑ *Nhiệm vụ về nhà:*

Chọn một trong ba đề sau:

1. Viết đoạn văn trình bày cảm nhận của em về hình tượng Huấn Cao trong truyện

ngắn *Chữ người tử tù*.

2. Viết đoạn văn nêu suy nghĩ về vai trò của lòng khoan dung trong cuộc sống.
3. Viết đoạn văn bàn về ý thức trách nhiệm của công dân trẻ đối với xã hội hiện đại.

Yêu cầu:

- Sử dụng tối thiểu 3 từ Hán Việt.
- Ghi chú hoặc gạch chân các từ Hán Việt.
- Có thể phân tích ngắn gọn một từ Hán Việt em thấy hay nhất trong đoạn.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc cá nhân, viết bài trong vở hoặc vào phiếu bài tập.
- Với bài tại lớp: GV đi từng bàn hỗ trợ, khuyến khích, uốn nắn cách dùng từ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Một số HS trình bày đoạn văn trước lớp.
- HS khác nhận xét: về nội dung, cách dùng từ Hán Việt, hiệu quả biểu đạt.
- GV nêu gương bài làm tốt, chỉnh sửa lỗi thường gặp (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện

GV đánh giá dựa theo rubrics sau:

Tiêu chí	Mức 1 (Chưa đạt)	Mức 2 (Đạt)	Mức 3 (Tốt)	Mức 4 (Xuất sắc)
Đúng yêu cầu thể loại, độ dài	Không đúng	Gần đúng	Đúng đủ	Đúng và có sáng tạo
Dùng từ Hán Việt chính xác	Sai nhiều	1 từ đúng	2–3 từ đúng	≥3 từ đúng, hiệu quả
Hiệu quả biểu đạt	Thiếu logic	Có ý nhưng sơ sài	Mạch lạc, rõ ràng	Diễn đạt sinh động
Giải thích tác dụng từ Hán Việt	Không có	Có nhưng chưa rõ	Có, hợp lý	Có, sâu sắc và sáng tạo

Gợi ý từ Hán Việt để HS sử dụng:

- Nghĩa vụ – trách nhiệm – khoan dung – nhân cách – thiên chức
- Trung thực – hiếu thảo – vị tha – lý tưởng – tâm huyết

Kiến quốc – phụng sự – nghĩa khí – thiên lương – văn hiến..

TIẾT 9,10

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN
PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN

I. Mục tiêu:

1. Năng lực:

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện và viết được bài văn thuộc kiểu văn bản này.

- Nhận biết và thực hiện đúng các yêu cầu của kiểu bài nghị luận phân tích – đánh giá.
- Liên hệ với các kiến thức về thể loại truyện và các văn bản truyện đã học.
- Năng lực tự chủ và tự học: HS tự tìm kiếm tri thức liên quan đến bài học theo bộ câu hỏi định hướng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS làm việc nhóm thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực ngôn ngữ: HS sử dụng đúng chính tả, ngữ pháp, diễn đạt trong tạo lập văn bản.

2. Phẩm chất:

- Trách nhiệm: Rèn luyện phẩm chất **trách nhiệm**, **tự giác**, chủ động, sáng tạo trong học tập và tư duy

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

- Máy tính, tivi.
- Phiếu học tập, thang đánh giá kết quả, các văn bản mẫu bổ sung.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.
- HS nhận thức vai trò và yêu cầu của bài viết nghị luận phân tích truyện.

b. Nội dung:

- GV phát vấn
- HS trả lời

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

Cho HS xem video: https://www.youtube.com/watch?v=DbonCgmCHJY
Đặt câu hỏi:

- *Sau khi đọc một truyện, bạn có mong muốn chia sẻ cảm nhận, ý kiến của mình không?*
- *Nếu là người đọc, bạn mong đợi điều gì từ một bài phân tích, đánh giá tác phẩm truyện?*

Bước 2: HS trao đổi – GV gợi mở.

Bước 3: HS báo cáo, chia sẻ suy nghĩ.

Bước 4: GV nhận xét, dẫn dắt vào bài học.

Trong đời sống hằng ngày, khi đọc một cuốn truyện hay, xem một bộ phim cảm động, chúng ta thường muốn chia sẻ cảm nhận với bạn bè, người thân. Ở môn Ngữ văn, việc phân tích – đánh giá một tác phẩm văn học cũng xuất phát từ nhu cầu ấy: chia sẻ góc nhìn cá nhân, lý giải vì sao một tác phẩm lại có giá trị.

Để làm được điều đó, chúng ta cần một phương pháp viết bài nghị luận đặc biệt – bài viết phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện.

Tiết học hôm nay sẽ giúp các em nắm được cách viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một truyện ngắn. Các em sẽ được thực hành qua việc đọc – phân tích văn bản mẫu, tìm ý, lập dàn ý và viết bài hoàn chỉnh.

➤ **Chúng ta cùng bắt đầu tiết học: Viết văn bản nghị luận – Phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện**

HOẠT ĐỘNG 2. HƯỚNG DẪN VIẾT

a. Mục tiêu:

Học sinh:

- Nhận biết được các đặc điểm và cấu trúc của bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện.
- Hiểu cách triển khai hệ thống luận điểm và sử dụng các dẫn chứng phù hợp để làm rõ chủ đề, nghệ thuật của truyện.
- Biết cách lựa chọn tác phẩm phù hợp, định hướng đề tài, tìm ý và lập dàn ý để viết văn bản hoàn chỉnh.
- Hình thành năng lực tư duy phản biện, tự học và hợp tác thông qua các hoạt động phân tích – thảo luận – viết bài.

b. Nội dung:

- Khám phá bài văn mẫu để nhận diện cấu trúc và phương pháp viết.
- Phân tích các yếu tố then chốt: vấn đề nghị luận, trình tự lập luận, dẫn chứng tiêu biểu.
- Hình thành kĩ năng viết văn bản nghị luận đánh giá truyện.

c. Sản phẩm:

- Phiếu học tập số 1, 2 (hoặc trình bày miệng).
- Bài phân tích – đánh giá truyện ngắn hoàn chỉnh (viết ở cuối tiết học/ về nhà)

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ● Giáo viên giới thiệu bài viết tham khảo: *Giá trị hay là sự vô giá của quà tặng trong truyện ngắn "Quà Giáng sinh" của O. Henry* (SGK Ngữ văn 10, Tập 2 – Kết nối tri thức). ● GV phát cho mỗi học sinh Phiếu học tập số 1 (làm việc cá nhân) và chia lớp thành các nhóm nhỏ để làm Phiếu học tập số 2 (thảo luận nhóm). ● GV nêu nhiệm vụ: ○ **Cá nhân:** Đọc bài viết tham khảo, ghi chép và trả lời các câu hỏi trong PHT số 1. ○ **Nhóm:** Thảo luận và ghi nội dung vào PHT số 2 dựa trên 3 câu hỏi định	**I. Đọc và phân tích một bài viết tham khảo** 🎬 **Vấn đề chính được bàn luận:** → Sự vô giá của món quà trong truyện ngắn *Quà Giáng sinh* – một biểu tượng nghệ thuật giàu cảm xúc và thông điệp nhân văn sâu sắc. 🎬 **Lợi ích bài viết mang lại:** → Giúp người đọc nhận diện được hiệu quả của nghệ thuật kể chuyện, tình huống truyện và ngôn ngữ biểu đạt; từ đó hiểu và cảm thụ sâu sắc chủ đề tác phẩm. 🎬 **Trình tự triển khai luận điểm:** 1. Mở bài – giới thiệu tác giả, tác phẩm, định hướng nội dung phân tích.

hướng: 1. Vấn đề chính được bàn luận trong bài viết là gì? 2. Bài viết giúp người đọc hiểu thêm điều gì về truyện ngắn *Quà Giáng sinh*? 3. Các luận điểm trong bài viết được triển khai theo trình tự nào? *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ* ● **HS làm việc cá nhân:** Đọc bài viết và hoàn thành Phiếu học tập số 1. ● **HS làm việc nhóm:** Cùng phân tích và thảo luận nội dung bài viết, điền vào Phiếu học tập số 2. *Bước 3: Báo cáo và thảo luận* ● Đại diện từng nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp. ● Các nhóm khác bổ sung hoặc phản biện. ● GV điều phối hoạt động, khuyến khích học sinh sử dụng ngôn ngữ nghị luận, trích dẫn chính xác *Bước 4: Đánh giá, nhận xét và chuẩn hóa kiến thức* ● **Giáo viên nhận xét:** ○ Ghi nhận ưu điểm: cách phát hiện vấn đề, sự logic trong trình bày, mức độ hiểu văn bản. ○ Gợi ý điều chỉnh: cách diễn đạt, lựa chọn dẫn chứng, mở rộng vấn đề.	2. Tóm tắt nội dung truyện. 3. Phân tích nghệ thuật: cốt truyện, nhân vật, tình huống, lời thoại, kết cấu. 4. Làm rõ chủ đề, mở rộng ý nghĩa nhân văn. 5. Kết luận – khẳng định giá trị tư tưởng và nghệ thuật của truyện.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ● Giáo viên yêu cầu học sinh **hoàn thành Phiếu học tập số 3**, gồm 2 phần: ○ **Phần 1:** Tìm ý cho bài viết ○ **Phần 2:** Lập dàn ý ba phần (mở bài – thân bài – kết bài) *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ* ● **HS làm việc cá nhân:** đọc kỹ hướng dẫn trong SGK và thực hiện các yêu cầu trong phiếu học tập: ○ Trả lời các câu hỏi định	**II. Thực hành viết** *1. Chuẩn bị viết* ● **Chọn tác phẩm truyện:** Mỗi học sinh chọn một truyện đã đọc/đã học mà mình yêu thích, có nhiều điểm đặc sắc về nghệ thuật và tư tưởng. ● **Đọc lại truyện:** Nắm rõ nội dung khái quát, ghi chú các chi tiết tiêu biểu. ● **Lựa chọn đề tài nghị luận:** Có thể viết về: ○ Một nhân vật tiêu biểu

hướng để tìm ý.

- Lập dàn ý theo ba phần (ghi vắn tắt, logic).

- **GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết.**

Bước 3: Báo cáo – thảo luận

- Một số học sinh đại diện trình bày kết quả trước lớp.
- Các học sinh khác nhận xét, góp ý cách tìm ý và xây dựng dàn ý.
- GV bổ sung, điều chỉnh nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả

- Giáo viên nhận xét các sản phẩm phiếu học tập:
  - Đánh giá sự đầy đủ, rõ ràng, hợp lý của các ý tưởng.
  - Gợi ý cải thiện cách liên kết các ý và tổ chức bố cục bài viết.

- Một chi tiết, tình huống đặc sắc
- Chủ đề của tác phẩm
- Nghệ thuật xây dựng truyện...

2. Tìm ý (theo hệ thống câu hỏi gợi mở)

Câu hỏi định hướng	**Gợi ý trả lời**
Lý do bạn chọn tác phẩm này để phân tích, đánh giá?	Vì nội dung cảm động, nhân vật đặc biệt, nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn…
Điều gì khiến bạn yêu thích tác phẩm?	Tình huống truyện bất ngờ, ngôn ngữ giàu cảm xúc…
Chủ đề của truyện là gì?	Ca ngợi tình yêu thương, lòng vị tha, đức hi sinh…
Tác phẩm có những nét đặc sắc nào về nghệ thuật?	Tình huống trớ trêu, nhân vật đối lập, kết cấu đảo ngược, giọng kể khách quan…
Những câu, đoạn nào trong truyện cần được phân tích kỹ?	Lời thoại giữa nhân vật, hành động tặng quà…
Bạn đánh giá như thế nào về thành công hoặc hạn chế của tác phẩm?	Đạt hiệu quả thẩm mỹ cao, truyền tải thông điệp sâu sắc…

3. Lập dàn ý ba phần

a. Mở bài:

- Giới thiệu tác phẩm (tên truyện, tên tác giả, hoàn cảnh ra đời…).
- Nêu nhận định khái quát: tác phẩm có giá trị về nội dung và nghệ thuật.
- Trình bày lý do chọn đề tài nghị luận.

b. Thân bài:

1. **Tóm tắt nội dung truyện:**

- Giới thiệu ngắn gọn diễn biến chính, không lan man chi tiết.

2. **Phân tích chủ đề tác phẩm:**

- Làm rõ thông điệp/giá trị tư tưởng của tác phẩm.
- Dẫn chứng minh họa phù hợp.

3. **Phân tích nghệ thuật:**

	○ Cốt truyện và tình huống (tình huống trớ trêu – cảm động). ○ Nhân vật (tính cách, hành động, lời nói thể hiện chủ đề). ○ Ngôi kể, kết cấu, biểu tượng nghệ thuật. ○ Dẫn chứng cụ thể từ văn bản. **c. Kết bài:** ● Khẳng định giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện. ● Nêu cảm nhận cá nhân hoặc liên hệ mở rộng (với bản thân, xã hội…)
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ● Giáo viên yêu cầu học sinh: **"Dựa trên dàn ý đã lập, hãy viết hoàn chỉnh một bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện mà em yêu thích."** *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ* ● **HS làm việc cá nhân:** Viết bài văn trong khoảng 40–45 phút. ● GV lưu ý: học sinh có thể chọn viết tay hoặc gõ máy (nếu điều kiện lớp học cho phép). ● Trong quá trình viết, GV đi kiểm tra, quan sát, hỗ trợ học sinh gặp khó khăn trong việc triển khai luận điểm, dẫn chứng hoặc cách diễn đạt. *Bước 3: Báo cáo – thảo luận* ● Một số học sinh đọc bài trước lớp. ● Cả lớp và GV nhận xét: ○ Ưu điểm nổi bật (ý tưởng, bố cục, cách diễn đạt, dẫn chứng cụ thể…). ○ Điểm cần cải thiện (sai chính tả, lập luận chưa rõ, thiếu dẫn chứng, diễn đạt lặp từ, chưa nêu rõ quan điểm cá nhân…). *Bước 4: Đánh giá – chuẩn hóa kiến thức* ● GV tổng kết: ○ Đưa ra **tiêu chí đánh giá** bài viết (gợi ý: nội dung, bố cục,	Hướng dẫn học sinh khi viết bài: ● **Mở bài:** ○ Giới thiệu ngắn gọn tác phẩm và tác giả. ○ Trình bày lý do yêu thích và chọn tác phẩm để phân tích. ○ Đưa ra **ý kiến tổng quát** về giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện. ● **Thân bài:** ○ **Tóm tắt ngắn gọn nội dung truyện.** ○ **Triển khai các luận điểm chính:** ■ Chủ đề của truyện: nội dung phản ánh, thông điệp nhân văn. ■ Những đặc sắc về nghệ thuật: cốt truyện, tình huống truyện, nhân vật, ngôi kể, biểu tượng... ■ Phân tích dẫn chứng cụ thể minh họa cho từng luận điểm. ○ **Thể hiện quan điểm cá nhân:** Nhận xét về sự thành công, điểm đặc biệt, điều khiến bạn xúc động… ● **Kết bài:** ○ Khẳng định lại giá trị của truyện.

lập luận, dẫn chứng, ngôn ngữ, chính tả…). ○ Nhấn mạnh những lỗi thường gặp và cách khắc phục. ○ Nhắc nhở HS chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết ở nhà để nộp lại trong tiết sau (nếu chưa đủ thời gian trên lớp).	○ Gợi mở: bài học cho bản thân, liên hệ cuộc sống hoặc giới thiệu thêm các truyện cùng đề tài/ cùng tác giả... Lưu ý về kỹ năng: ● Tránh viết quá dài dòng ở phần tóm tắt truyện. ● Mỗi đoạn nên có câu mở đoạn, triển khai dẫn chứng và câu kết đoạn rõ ràng. ● Ngôn ngữ cần trong sáng, chuẩn chính tả, tránh lỗi lập từ và diễn đạt sáo rỗng. ● Có thể trích dẫn một vài câu văn đặc sắc từ truyện, nhưng cần ghi rõ và dẫn ngắn gọn.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- Học sinh viết được đoạn văn nghị luận đúng quy cách, ngắn gọn (khoảng 150 chữ).
- Biết chọn lọc chi tiết tiêu biểu, triển khai một vấn đề văn học rõ ràng.
- Phát triển năng lực phân tích, đánh giá và diễn đạt trong văn viết.

b. Nội dung:

- Trả lời các câu hỏi 1 và 4, trang 37 (SGK Ngữ văn 10 – Kết nối tri thức với cuộc sống).
- Viết đoạn văn phân tích tình huống truyện đặc sắc trong một tác phẩm đã học

c. Sản phẩm:

- 01 đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ), viết tại lớp và ở nhà.

d. Tổ chức thực hiện:

PHẦN 1: HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

GV giao bài luyện tập tại lớp:

Câu hỏi: Ba truyện kể *Thần Trụ Trời*, *Thần Sét*, *Thần Gió* giúp em hiểu gì về đặc điểm nội dung và nghệ thuật của truyện thần thoại Việt Nam?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

- Học sinh làm việc cá nhân, viết đoạn văn trả lời.

Bước 3. Báo cáo – thảo luận:

- Một số HS đọc bài viết.
- HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4. Đánh giá – chuẩn hóa:

- GV nhận xét, điều chỉnh diễn đạt, chính tả, nội dung.
- Tổng kết:
    - Truyện thần thoại có: thời gian không xác định, không gian rộng lớn, nhân vật thần linh, sức mạnh siêu nhiên.
    - Thể hiện tư duy ngây thơ, giàu trí tưởng tượng và khát vọng chế ngự thiên nhiên của con người thời cổ.

PHẦN 2: HOẠT ĐỘNG VỀ NHÀ

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Yêu cầu: Viết đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) phân tích **một nét độc đáo của tình huống truyện** trong *Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên* (Nguyễn Dữ) **hoặc** *Chữ người tử tù* (Nguyễn Tuân).

Gợi ý lựa chọn chi tiết tiêu biểu:

1. Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên:

- Khung cảnh phiên tòa dưới âm phủ (Minh ti).
- Hành động, thái độ quyết liệt của Ngô Tử Văn khi đấu tranh với hồn ma tên giặc.

2. Chữ người tử tù:

- Chi tiết "rỗng gông" trước nhà lao.
- Lời xin lỗi đầy cảm động của Huấn Cao gửi viên quản ngục về tấm lòng biệt nhỡn liên tài.
- Cảnh cho chữ thiêng liêng trong nhà ngục – tình huống "bầu trời nghệ thuật" giữa "bóng tối tử tù".

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

- HS viết bài ở nhà, trình bày sạch đẹp.

Bước 3. Báo cáo – thảo luận:

- Nộp bài hoặc trình bày miệng trong tiết sau.
- GV và HS cùng nhận xét.

Bước 4. Đánh giá kết quả:

GV sử dụng **rubric đánh giá** sau

RUBRIC ĐÁNH GIÁ ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN (150 CHỮ)

Tiêu chí	**Cần cố gắng** *(< 5 điểm)*	**Đạt yêu cầu** *(5 – <7 điểm)*	**Làm tốt** *(7 – <8 điểm)*	**Xuất sắc** *(8 – 10 điểm)*
Hình thức *(3đ)*	- Trình bày cẩu thả, sai nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	- Trình bày rõ ràng, sai một vài lỗi nhỏ.	- Bố cục hợp lý, không lỗi chính tả.	- Hình thức đẹp, diễn đạt sáng tạo, đúng quy cách.
Nội dung *(7đ)*	- Chưa đúng trọng tâm; diễn đạt chung chung.	- Có nội dung phù hợp, trả lời đúng câu hỏi gợi dẫn.	- Lập luận rõ ràng, có dẫn chứng tiêu biểu.	- Ý sâu sắc, liên hệ mở rộng, bộc lộ quan điểm cá nhân rõ nét.

PHỤ LỤC

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

(CÁ NHÂN – ĐỌC HIỂU BÀI VIẾT THAM KHẢO)

Họ và tên: .....

Lớp: .....

Yêu cầu: Đọc bài viết tham khảo "Giá trị hay là sự vô giá của quà tặng trong truyện ngắn *Quà Giáng*

sinh của O. Henry" và trả lời các câu hỏi sau:

1. **Vấn đề chính được bàn luận trong bài viết là gì?**
   .....
   .....
2. **Bài viết giúp người đọc hiểu thêm điều gì về truyện ngắn *Quà Giáng sinh*?**
   .....
   .....
3. **Tác giả đã triển khai các luận điểm theo trình tự nào? Hãy liệt kê cụ thể.**

- Giới thiệu mở bài: .....
- Tóm tắt nội dung chính của truyện: .....
- Phân tích nghệ thuật (cốt truyện, nhân vật, tình huống...): .....
- Phân tích chủ đề và mở rộng ý nghĩa: .....
- Kết bài – khẳng định giá trị truyện: .....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

(NHÓM – PHÂN TÍCH BÀI THAM KHẢO & KHÁM PHÁ NGHỆ THUẬT TRUYỆN)

Tên nhóm: .....

Yêu cầu: Thảo luận theo bàn, hoàn thành nội dung sau:

1. **Ghi lại thông tin thẻ đọc của bài viết tham khảo**

- Tên bài viết: .....
- Tác giả: .....
- Nguồn trích: .....

2. **Trả lời các câu hỏi phân tích bài viết tham khảo:**
   a) Vấn đề chính được bàn luận là gì?
   .....

b) Bài viết giúp người đọc hiểu rõ điều gì về truyện ngắn *Quà Giáng sinh*?

.....

c) Tác giả triển khai các luận điểm theo trình tự nào?

.....

3. **Rút ra bài học về cách viết bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện:**
   .....
   .....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

(CÁ NHÂN – CHUẨN BỊ VIẾT BÀI NGHỊ LUẬN VĂN HỌC)

Họ và tên: .....

Lớp: .....

1. Chọn tác phẩm truyện em yêu thích và điền thông tin dưới đây:

Nội dung	Trả lời của học sinh
Tên tác phẩm	
Tác giả	
Thể loại	
Nhân vật chính	
Tóm tắt nội dung	
Chủ đề truyện	
Các yếu tố nghệ thuật nổi bật	
Điều em yêu thích nhất	

2. Tìm ý và định hướng bài viết:

- Vì sao em chọn tác phẩm này? .....
- Câu chuyện trong truyện diễn ra như thế nào? .....
- Chủ đề và thông điệp của truyện là gì? .....
- Truyện có những nét đặc sắc nào về nghệ thuật? .....
- Những câu hoặc đoạn nào nên trích dẫn để làm rõ nhận xét của em? .....
- Em đánh giá như thế nào về giá trị tư tưởng, nghệ thuật của truyện? .....

3. Lập dàn ý sơ bộ:

- **Mở bài:**
  Giới thiệu khái quát về tác phẩm và lý do chọn
- **Thân bài:**
  - Tóm tắt ngắn gọn truyện
  - Phân tích chủ đề
  - Phân tích các yếu tố nghệ thuật: tình huống truyện, nhân vật, ngôi kể, kết cấu, chi tiết tiêu biểu...
  - Dẫn chứng cụ thể, sinh động
  - Nhận xét, đánh giá cá nhân
- **Kết bài:**
  Khẳng định giá trị truyện + mở rộng suy nghĩ

TIẾT 11: NÓI VÀ NGHE
GIỚI THIỆU, ĐÁNH GIÁ VỀ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT CỦA MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN

I. Mục tiêu:

1. Năng lực

Năng lực chung:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác (thông qua hoạt động nhóm).
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo (trong chọn lựa tác phẩm, triển khai bài nói).
- Năng lực tự học, tự đánh giá và điều chỉnh.

Năng lực đặc thù môn Ngữ văn:

- **Năng lực đọc hiểu**: vận dụng kiến thức về truyện để chọn lựa, phân tích tác phẩm.
- **Năng lực cảm thụ văn học và tạo lập văn bản nói**: biết xây dựng bài trình bày về tác phẩm có cấu trúc mạch lạc, lí lẽ chặt chẽ.
- **Năng lực nói và nghe**: trình bày rõ ràng, có dẫn chứng; biết lắng nghe, phản hồi, đối thoại tích cực.
  về vấn đề.

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

- Ti vi, máy tính
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong văn bản.

b. Nội dung: HS tham gia trò chơi Giải ô chữ

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Câu 1. Một tên khác của thần Sét? (8 kí tự)

THIÊN LÔI

Câu 2. Từ chỉ người hiểu mình. (5 kí tự)

TRI KỈ

Câu 3. Người có tính vốn khoảnh, nhất sinh không vì vàng ngọc hay quyền thế mà ép mình viết câu đối bao giờ. (7 kí tự)

HUẤN CAO

Câu 4. Từ chỉ điều mà mình hằng mong ước. (8 kí tự)

SỞ NGUYỆN

Câu 5. … là sự việc, biến cố dẫn đến những thay đổi mang tính bước ngoặt trong thế giới nghệ thuật hoặc bộc lộ những ý nghĩa nhất định với nhân vật hay người đọc – điều chưa được họ nhận thấy cho đến khi nó xảy ra. (6 kí tự)

SỰ KIỆN

Câu 6. Từ chỉ con người cụ thể được khắc họa trong tác phẩm văn học bằng các biện pháp nghệ thuật. (7 kí tự)

NHÂN VẬT

Câu 7. Từ Hán Việt chỉ người có học, trí thức chân chính. (4 kí tự)

KẺ SĨ

Câu 8. Cái nhìn, thái độ ứng xử thể hiện sự kính trọng đặc biệt (8 kí tự)

BIỆT NHỠN

TỪ KHÓA: TRUYỆN KỂ

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh suy nghĩ và trả lời

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên dẫn dắt vào bài học.

HOẠT ĐỘNG 2: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG "VÒNG TRÒN VĂN HỌC"

Chủ đề: *Sức hấp dẫn của truyện kể*

a. Mục tiêu

- Biết xây dựng, trình bày bài nói có cấu trúc rõ ràng, mạch lạc.
- Biết sử dụng giọng điệu, cử chỉ, phương tiện hỗ trợ phù hợp.
- Biết lắng nghe, phản hồi, đánh giá trên tinh thần xây dựng.
- Làm việc nhóm hiệu quả; phân công nhiệm vụ rõ ràng, phối hợp linh hoạt.
- Biết trình bày ý kiến riêng, phân tích – so sánh – đánh giá các ý kiến khác nhau.

b. Nội dung hoạt động

- Chuẩn bị và trình bày bài nói theo hình thức phân vai.
- Nghe – phản hồi – đánh giá bài trình bày của bạn học.
- Cùng thảo luận, trao đổi để làm rõ sức hấp dẫn của các tác phẩm truyện.

c. Sản phẩm cần đạt

- Phiếu học tập các vai trò.
- Bài nói ngắn gọn, có cấu trúc rõ ràng.
- Tranh, sơ đồ minh họa (nếu có).
- Phiếu nhận xét của nhóm người nghe.

1. Hướng dẫn HS chuẩn bị bài nói - nghe

CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Chuẩn bị bài nói, phiếu đánh giá

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

MC giới thiệu về nội dung, mục dích của hoạt động "Vòng tròn văn học".

+ Tên chủ đề: Sức hấp dẫn của truyện kể

+ Hình thức thực hiện: Các nhóm nhận phân công nhiệm vụ, thực hiện các hoạt động được giao ở nhà.

+ Nhóm người nói: Tiến hành tìm đọc tác phẩm truyện kể theo phân công; phân vai các thành viên trong nhóm thực hiện nhiệm vụ theo phiếu học tập ở nhà. Trên lớp, các thành viên trong từng nhóm lần lượt thay phiên để trình bày nhiệm vụ vai mình đảm nhiệm; xoay quanh tác phẩm để giới thiệu tác phẩm đến người nghe.

+ Nhóm người nghe: Chuẩn bị phiếu đánh giá nhận xét, thực hiện phân vai người nghe tương ứng người nói. Trên lớp, theo dõi người nói, ghi chú phần nhận xét và có thể đặt ra câu hỏi, trao đổi sau khi các nhóm nói lần lượt kết thúc.

I. Chuẩn bị bài nói – nghe

1. Các thành viên trong nhóm người nói sẽ nhận và thực hiện các nhiệm vụ gợi ý, sản phẩm hoàn thiện trước ở nhà:

Vai người nói	**Nhiệm vụ**
Người tìm từ hay	Lập một bảng những từ cảm thấy thú vị trong tác phẩm và lí giải.
Người tóm tắt	Ghi lại nội dung chính của văn bản bằng các sự kiện, chi tiết tiêu biểu.
Người suy tư về hình ảnh	Vẽ những bức tranh hình dung khi đọc văn bản và lí giải.
Người lập hồ sơ nhân vật	Lập hồ sơ một nhân vật và ghi lại những chi tiết thuộc yếu tố làm nên chân dung nhân vật: ngoại hình, lời nói, suy nghĩ...
Người liên hệ	Ghi lại những liên hệ khi đọc văn bản (liên hệ với sự việc trong đời sống, hoặc với những

<table>
<tr>
<td>
Các nhóm HS chuẩn bị bài nói để trình bày trước lớp.

B3. Báo cáo, thảo luận:

- HS báo cáo nội dung đã chuẩn bị

B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:
GV nhận xét, cùng học sinh bổ sung, chuẩn hóa kiến thức
</td>
<td>
<table>
<tr><td></td><td>văn bản văn học khác).</td></tr>
</table>
2. Nhóm người nghe phân vai và chuẩn bị theo dõi thực hiện nhiệm vụ
<table>
<tr><th>Vai người nghe</th><th>Nhiệm vụ</th></tr>
<tr><td>Người nhận xét từ hay</td><td>Nghe và nhận xét và các từ người nói tìm được</td></tr>
<tr><td>Người nhận xét tóm tắt</td><td>Nghe và đưa ra nhận xét về các sự kiện, chi tiết được nêu.</td></tr>
<tr><td>Người nhận xét về hình ảnh</td><td>Quan sát và nêu cảm nhận về các hình ảnh.</td></tr>
<tr><td>Người nhận xét hồ sơ nhân vật</td><td>Nhận xét về các chi tiết mà người nói đã tìm được.</td></tr>
<tr><td>Người nhận xét liên hệ</td><td>Đánh giá về tính thuyết phục của các nội dung được liên hệ.</td></tr>
</table>
</td>
</tr>
<tr>
<td>
2. Hướng dẫn HS trình bày bài nói - nghe

CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

MC mời lần lượt các nhóm trình bày sản phẩm. Những nhóm còn lại lắng nghe.

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

B3. Báo cáo, thảo luận:

- HS báo cáo, nhận xét

B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:
GV nhận xét, cùng học sinh bổ sung, chuẩn hóa kiến thức
</td>
<td>
II. Trình bày bài nói – nghe

1. Yêu cầu trình bày bài nói

- Nêu đề tài, lí do chọn đề tài

- Trình bày các ý theo đề cương đã chuẩn bị.

- Tóm tắt lại các nội dung chính, đưa ra - một số ý tưởng mở rộng.

Chú ý:

- Sử dụng các từ ngữ chuyển tiếp phù hợp để tạo sự liên kết, giúp người nghe dễ theo dõi.

- Sử dụng giọng điệu, ngữ điệu thích hợp.

- Kết hợp với ngôn ngữ hình thể, các phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh, biểu đồ...

2. Yêu cầu đối với người nghe
</td>
</tr>
</table>

	- Tôn trọng quan điểm của người nói. - Tinh thần cởi mở, góp ý tích cực. - Có thể đưa ra các câu hỏi, trao đổi phản biện với các vấn đề người nói trình bày.
3. Hướng dẫn HS trao đổi, đánh giá bài nói **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Nhóm điều phối thực hiện **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - Nhóm điều phối tổ chức nhận xét, đánh giá về phần trình bày của các nhóm. - HS các nhóm góp ý, chia sẻ, về các bài nói dựa trên phiếu gợi ý: Phiếu đánh giá. **B3. Báo cáo, thảo luận:** - HS báo cáo, nhận xét **B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, cùng học sinh bổ sung, chuẩn hóa kiến thức	**III. Trao đổi và đánh giá bài nói** - Người nghe đưa ra các góp ý, nhận xét hoặc câu hỏi về bài nói. - Người nghe, người nói đối thoại trên tinh thần cởi mở. - Thực hiện đánh giá và tự đánh giá dựa trên các tiêu chí. Sử dụng phiếu đánh giá
Hướng dẫn HS tổng kết hoạt động nghe - nói **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** HS liệt kê nhanh một số tác phẩm truyện mình muốn đọc **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân **B3. Báo cáo, thảo luận:** - HS báo cáo **B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, cùng học sinh bổ sung, chuẩn hóa kiến thức	**IV. Tổng kết hoạt động nghe – nói** Gợi ý xây dựng "Nhật kí đọc"
HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG	

a. Mục tiêu

- Phát triển năng lực **nói và nghe**:
  - Biết cách **tổ chức nội dung** bài nói dựa trên hệ thống câu hỏi và từ khóa gợi dẫn.
  - Biết **trình bày ý kiến rõ ràng**, mạch lạc, có dẫn chứng.
  - Biết **lắng nghe tích cực**, phản hồi và đặt câu hỏi dựa trên nội dung được trình bày.
- Nâng cao năng lực **nghệ thuật trình bày miệng**: lựa chọn ngôn ngữ phù hợp, biểu cảm, kết hợp phương tiện phi ngôn ngữ (sơ đồ, hình ảnh…).

b. Nội dung

- Học sinh trình bày miệng (trực tiếp hoặc kết hợp trình chiếu) phần tổng hợp, nhận xét hoặc phân tích đặc điểm của các văn bản truyện đã học, đặc biệt là yếu tố thần thoại.
- Trình bày nhận định cá nhân về **một tác phẩm thần thoại yêu thích** (có thể trong hoặc ngoài SGK).

c. Sản phẩm học tập

- **Bài nói miệng 3–5 phút**
- **Phiếu chuẩn bị bài nói**
- **Phiếu đánh giá – phản hồi của người nghe**

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

B1. Giao nhiệm vụ (tại lớp hoặc về nhà)

GV hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài nói theo 1 trong 2 gợi ý:

Chủ đề 1: Trình bày miệng sơ đồ/bảng tổng hợp các tác phẩm truyện đã học
Chủ đề 2: Giới thiệu và đánh giá một truyện thần thoại yêu thích (có thể tìm đọc thêm)

 GV phát phiếu học tập mẫu để HS xây dựng **dàn ý bài nói**, bao gồm:

- Mở đầu: Giới thiệu nội dung, lí do chọn đề tài
- Thân bài:
  - Các yếu tố chính của truyện (cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian…)
  - Những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật
  - Ấn tượng hoặc cảm nhận cá nhân
- Kết luận: Tóm tắt, liên hệ hoặc nêu giá trị truyện trong bối cảnh hiện nay

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS chuẩn bị bài nói cá nhân ở nhà (có thể sử dụng sơ đồ tư duy, biểu đồ, minh họa kèm).
- Người nghe cũng được giao nhiệm vụ: **ghi nhận xét, đặt câu hỏi phản hồi** cho bài nói của bạn.

B3. Báo cáo – thảo luận

- Một số HS lần lượt trình bày bài nói trước lớp (GV lựa chọn ngẫu nhiên hoặc theo đăng ký).
- Các bạn khác ghi nhận xét, đánh giá vào **phiếu phản hồi**.
- Người nói có thể phản hồi lại ý kiến của bạn nghe để rèn luyện **giao tiếp học thuật**.

B4. Nhận xét – đánh giá

- GV hướng dẫn học sinh đánh giá chéo, tự đánh giá theo các tiêu chí:
  - Nội dung rõ ràng, có dẫn chứng
  - Ngôn ngữ nói mạch lạc, sử dụng tốt phương tiện hỗ trợ
  - Biết lắng nghe, phản hồi hợp lí
- GV đưa ra nhận xét tổng hợp và khuyến khích HS cải thiện kỹ năng qua các bài nói tiếp theo.

 Gợi ý Phiếu đánh giá bài nói – nghe (Tự đánh giá/Đánh giá chéo)

Tiêu chí	Đạt	Cần cải thiện
Giới thiệu đề tài rõ ràng, hấp dẫn	☐	☐
Trình bày mạch lạc, có dẫn chứng phù hợp	☐	☐
Ngôn ngữ nói phù hợp, có cảm xúc, biểu cảm	☐	☐
Có sử dụng phương tiện minh họa (sơ đồ, hình ảnh...)	☐	☐
Tự tin, phong cách trình bày thuyết phục	☐	☐
Biết lắng nghe, phản hồi hợp lý khi được đặt câu hỏi	☐	☐

TRẢ BÀI VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN VỀ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT CỦA MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN

I. Mục tiêu:

1. Năng lực

* Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề (thực hiện nhiệm vụ trước các vấn đề được cung cấp).

* Năng lực đặc thù:

- Đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện (theo lựa chọn cá nhân). HS biết lắng nghe và trao đổi trên tinh thần cởi mở, xây dựng.
- Nhận biết và thực hiện được các yêu cầu đã nêu trong bài viết đoạn văn nghị luận
- Biết liên hệ với các kiến thức về thể loại truyện trong phần Tri thức ngữ văn của bài học và các văn bản truyện đã học.
- Bao quát được diễn biến của cuộc thảo luận (những ý kiến đã nêu, những điều đã được làm rõ, những điều cần được trao đổi thêm...); bày tỏ được thái độ tán thành hay phản đối trước những ý kiến đã phát biểu.

2. Phẩm chất: Tôn trọng người đối thoại để cùng tìm tiếng nói chung về vấn đề.

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

- Ti vi, máy tính
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu:
Gợi dẫn để học sinh tự nhắc lại các yêu cầu của một đoạn văn nghị luận tốt.

b. Nội dung:
GV đặt câu hỏi gợi mở:
 "Theo em, một đoạn văn nghị luận đạt hiệu quả cần có những đặc điểm nào?"

c. Sản phẩm:
Câu trả lời, nhận định cá nhân của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước	Hoạt động
B1	GV nêu câu hỏi – giao nhiệm vụ
B2	HS suy nghĩ, thảo luận nhanh cặp đôi
B3	HS báo cáo, GV tổng hợp – gợi mở các tiêu chí cần đạt
B4	GV dẫn dắt vào bài học: Trả bài viết – cơ hội nhìn lại, chỉnh sửa và nâng cao năng lực viết

HOẠT ĐỘNG 2: NHẬN XÉT VÀ TRẢ BÀI

a. Mục tiêu:

- Chỉ ra được những yêu cầu cần thiết khi viết đoạn văn nghị luận.

- Hiểu được những đặc điểm và yêu cầu của một đoạn văn nghị luận thuyết phục.

b. Nội dung:

- Đọc và phân tích một đoạn văn tham khảo theo bài tập đã giao về nhà *Lựa chọn một chi tiết đặc sắc của tình huống truyện trong tác phẩm "Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên" (Nguyễn Dữ) hoặc "Chữ người tử tù" (Nguyễn Tuân) để phân tích, làm rõ được giá trị của chi tiết với cốt truyện, tính cách nhân vật, chủ đề của tác phẩm...*

- Học sinh lập dàn ý và ghi lại các lưu ý khi thực hành bài viết.

- HS tóm tắt các bước dưới dạng bảng (hoặc sơ đồ) để nhắc lại quy trình viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Đọc và phân tích đoạn văn **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV chuyển giao nhiệm vụ (hoạt động nhóm): 1. HS đọc đoạn văn. 2. Hãy xác định vấn đề chính và hệ thống luận điểm của đoạn văn. 3. Nhận xét về hiệu quả thuyết phục của bài viết (HS nhận xét về hiệu quả	**Gợi ý nội dung phiếu học tập**: ● **Chi tiết nghệ thuật được chọn**: … ● **Luận điểm chính**: … ● **Luận cứ/Phân tích minh họa**: … ● **Hiệu quả thuyết phục**: … ● **Nhận xét về bố cục – diễn đạt – ngôn ngữ**: …

thuyết phục của từng luận điểm và cả bài luận). *(Gv kết hợp sử dụng PHT)* - HS tiếp nhận nhiệm vụ **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc thảo luận. - GV quan sát, gợi mở. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - Đại diện HS các nhóm báo cáo sản phẩm. - HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** GV gợi dẫn, định hướng HS chốt những khái niệm chính để HS theo dõi trong toàn bộ bài học. GV sử dụng rubics đánh giá. Góp ý riêng cho từng nhóm để hoàn thiện nội dung của nhóm	

HOẠT ĐỘNG 3: TRẢ BÀI – TỰ ĐÁNH GIÁ – CHỈNH SỬA

a. Mục tiêu:

- HS nhận diện được **ưu điểm – hạn chế** trong bài viết cá nhân.
- Biết cách **chỉnh sửa – bổ sung** để hoàn thiện đoạn văn.

b. Nội dung:

GV trả bài viết cho học sinh, kèm **phiếu nhận xét**.
HS thực hiện **tự đánh giá**, ghi chú các điểm cần điều chỉnh.

c. Sản phẩm:

- Bảng nhận xét – tự đánh giá
- Phiên bản chỉnh sửa sau góp ý

d. Tổ chức thực hiện:

Bước	Hoạt động
B1	GV phát bài – hướng dẫn cách đọc nhận xét – sử dụng phiếu tự đánh giá
B2	HS làm việc cá nhân: đánh dấu lỗi, viết lại phần chưa tốt
B3	Một số HS trình bày kết quả chỉnh sửa – nhận xét chéo (HS nhận xét bài bạn theo

	cặp)
B4	GV hướng dẫn chốt lại: Những lỗi phổ biến – Cách khắc phục – Kỹ năng cần rèn tiếp

Rubric đánh giá

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (Dưới 5 điểm)	ĐẠT YÊU CẦU (Từ 5 – dưới 7 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (Từ 7 – dưới 8 điểm)	XUẤT SẮC (Từ 8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	- Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả. - Sai lỗi nhiều chính tả.	- Bài làm còn sơ sài, trình bày tương đối đầy đủ, đáp ứng tương đối về kiến thức cần đạt. - Sai một số lỗi chính tả.	- Bài làm tương đối đầy đủ, đáp ứng tương đối kiến thức cần đạt. - Không có lỗi chính tả.	- Bài làm đầy đủ, đảm bảo đúng theo yêu cầu. - Khoa học, có sự sáng tạo. - Không mắc lỗi.
Nội dung (6 điểm)	- Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm. - Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn. - Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	- Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn. - Trả lời đúng trọng tâm. - Có ít nhất 1 ý mở rộng nâng cao.	- Trả lời tương đối đúng và đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn. - Trả lời đúng trọng tâm. - Có ít nhất 2 ý mở rộng nâng cao.	- Trả lời tốt các câu hỏi gợi dẫn - Trả lời đúng trọng tâm - Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao trở lên. - Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	- Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ - Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	- Các thành viên gắn kết tương đối chặt chẽ. - Vẫn còn 2 thành viên không tham gia hoạt động.	- Các thành viên gắn kết chặt chẽ. - Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động.	- Hoạt động gắn kết tốt. - Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo. - Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động.
Điểm				

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG – MỞ RỘNG

a. Mục tiêu:

HS có cơ hội **vận dụng nâng cao**: chọn một chi tiết truyện – xây dựng luận điểm mới – thuyết trình ngắn (2 phút).

b. Nội dung:

HS chọn 1 chi tiết nghệ thuật đặc sắc trong tác phẩm truyện yêu thích, trình bày bằng lời nói theo kiểu **diễn giải – đánh giá – liên hệ**.

c. Sản phẩm:

- Bài nói ngắn (2 phút)
- Phiếu nhận xét bạn nghe

d. Tổ chức thực hiện:

Bước	Hoạt động
B1	Giao nhiệm vụ: HS chuẩn bị trước ở nhà hoặc viết tại lớp
B2	HS trình bày bài nói cá nhân (1–2 phút)
B3	Bạn nghe nhận xét, đặt câu hỏi phản biện (theo phiếu)
B4	GV tổng kết: nhấn mạnh **liên kết giữa viết – nói – tư duy phê bình văn học**

. MẪU PHIẾU HỌC TẬP PHÂN TÍCH ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN

PHIẾU HỌC TẬP

Phân tích một đoạn văn nghị luận về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm truyện

Thông tin	Ghi chú
Tên tác phẩm được phân tích	……
Tác giả	……
Chi tiết nghệ thuật được chọn	……
Vấn đề nghị luận chính	……
Các luận điểm được triển khai	1. … 2. … 3. …
Dẫn chứng từ văn bản	……
Cách liên kết luận điểm – dẫn chứng	……
Cách đánh giá chi tiết/hiện tượng văn học	……
Hiệu quả lập luận – mức độ thuyết phục	□ Rõ ràng □ Trung bình □ Thiếu thuyết phục
Ghi chú – góp ý bổ sung (nếu có)	……

2. MẪU SƠ ĐỒ HÓA: TIÊU CHÍ ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

Sơ đồ tiêu chí đoạn văn nghị luận hiệu quả

```
css
Sao chépChỉnh sửa
        TIÊU CHÍ ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN
            (khoảng 150 chữ)
┌──────────┬──────────┬──────────────┐
│ Hình thức│ Nội dung │ Kỹ năng lập luận │
```

↓ ↓ ↓

• Viết đúng hình thức đoạn văn
• Trình bày sạch đẹp
• Chính tả, ngữ pháp đúng chuẩn

• Xác định đúng vấn đề nghị luận
• Phân tích sâu
• Có đánh giá, liên hệ mở rộng

• Diễn đạt mạch lạc
• Lập luận logic
• Có dẫn chứng minh họa cụ thể
• Ngôn ngữ văn học

↓ ↓ ↓

→ Gợi cảm, thuyết phục → Có chiều sâu → Sáng tạo cá nhân

 Giáo viên có thể vẽ sơ đồ này trên bảng/máy chiếu để học sinh ghi lại hoặc phát kèm tài liệu in.

3. MẪU PHIẾU NHẬN XÉT CHÉO BÀI VIẾT CỦA BẠN

PHIẾU NHẬN XÉT BÀI VIẾT CỦA BẠN HỌC

- **Họ và tên người viết bài:** ……
- **Tên tác phẩm được nghị luận:** ……
- **Chi tiết hoặc vấn đề được phân tích:** ……

I. Nhận xét theo tiêu chí

Nội dung	Đạt	Cần cố gắng	Ghi chú/Gợi ý cải thiện
Xác định đúng vấn đề nghị luận	☐	☐	……
Có triển khai luận điểm rõ ràng	☐	☐	……
Dẫn chứng phù hợp, tiêu biểu	☐	☐	……
Diễn đạt mạch lạc, đúng ngữ pháp	☐	☐	……
Có sáng tạo, suy nghĩ riêng	☐	☐	……

II. Góp ý xây dựng cụ thể

……
……
……

✍ **Họ tên người nhận xét:** ……

 Ngày: ……